

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
KHOA KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH**



**BÁO CÁO TỔNG KẾT
TÁC ĐỘNG CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HỆ
THỐNG KẾ TOÁN – NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH TẠI
DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI**

Tên đề tài: TÁC ĐỘNG CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HỆ THỐNG KẾ TOÁN –
NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH TẠI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

Mã số: ĐTNH. 70/2024

Chủ nhiệm đề tài : Đỗ Thị Hiền Anh

Người hướng dẫn : TS. Lê Quỳnh Anh

Thời gian thực hiện : Từ tháng 01/2025 đến tháng 05/2025

HÀ NỘI, 29 tháng 4 năm 2025

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
KHOA KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH**



**BÁO CÁO TỔNG KẾT
TÁC ĐỘNG CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HỆ
THỐNG KẾ TOÁN – NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH TẠI
DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI**

Tên đề tài: **TÁC ĐỘNG CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HỆ THỐNG KẾ TOÁN –
NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH TẠI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI**

Mã số : ĐTNH. 70/2024

Chủ nhiệm đề tài : Đỗ Thị Hiền Anh

Lớp : D16KTDN 4

Khoa : Kế Toán - Tài Chính

Người hướng dẫn : TS. Lê Quỳnh Anh

HÀ NỘI, 29 tháng 04 năm 2025

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

TT	Họ và tên	Lớp
1	Đỗ Thị Hiền Anh	D16KTDN 4
2	Nguyễn Thị Vân Anh	D16KTDN 5
3	Đỗ Hải Ly	D16KTDN 5

Lời cảm ơn

Đầu tiên cho nhóm chúng em xin gửi lời cảm ơn tới Ban Giám Hiệu nhà trường cùng các thầy, cô Khoa Kế Toán - Tài Chính trường Đại Học Điện Lực. Trong suốt quá trình học tập cũng như làm nghiên cứu khoa học tại trường Đại học Điện Lực, ngoài sự nỗ lực của bản thân chúng em còn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ từ phía Ban Lãnh Đạo nhà trường cùng với Khoa Kế Toán - Tài Chính, đặc biệt là cô Lê Quỳnh Anh người đã trực tiếp giúp đỡ, quan tâm và đồng hành cùng nhóm chúng em trong suốt quá trình vừa qua để chúng em có thể hoàn thành bài Nghiên cứu Khoa học của mình một cách tốt nhất.

Do kiến thức còn hạn chế nên không tránh khỏi những thiếu sót trong cách hiểu, lỗi trình bày. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến từ Quý thầy, cô để bài nghiên cứu khoa học của chúng em đạt được kết quả tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	1
I. MỞ ĐẦU	4
II. NỘI DUNG CỦA CỬA ĐỀ TÀI.....	6
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU.....	7
1.1. Chuyển đổi số trong kế toán	7
1.2. Tổng quan nghiên cứu các công nghệ của chuyển đổi số trong kế toán.....	8
1.3. Tổng quan về các yếu tố ảnh hưởng đến chuyển đổi số trong kế toán	10
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	12
2.1. Khái niệm về chuyển đổi số và kế toán số	12
2.1.1. Định nghĩa chuyển đổi số và các cấp độ chuyển đổi số.....	12
2.1.2. Định nghĩa kế toán số và sự khác biệt với kế toán truyền thống	15
2.2. Các yếu tố của chuyển đổi số trong hệ thống kế toán	16
2.2.1. Ứng dụng phần mềm và công nghệ hiện đại	16
2.2.2. Tự động hóa quy trình kế toán.....	18
2.2.3. Ứng dụng chuyển đổi số trong hệ thống kế toán ngày nay	20
2.3. Lợi ích và thách thức của chuyển đổi số trong kế toán.....	21
2.3.1. Lợi ích	21
2.3.2. Thách thức.....	21
2.4. Các mô hình lý thuyết liên quan	22
2.4.1. Mô hình TAM (Technology Acceptance Model)	22
2.4.2. Mô hình TOE (Technology - Organization - Environment).....	23
2.4.3. Mô hình DOI (Diffusion of Innovations)	26
2.5. Các nhân tố tác động đến chuyển đổi số trong hệ thống kế toán.....	28
2.5.1. Yếu tố công nghệ	28
2.5.2. Yếu tố tổ chức	28
2.5.3. Yếu tố môi trường	29
CHƯƠNG 3 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	30
3.1. Quy trình nghiên cứu	30
3.2 Phương pháp nghiên cứu	31
3.2.1. Phương pháp nghiên cứu định tính	31
3.2.1.1. Phương pháp nghiên cứu tại bàn	32
3.2.1.2. Phương pháp nghiên cứu tình huống	33
3.2.1.3. Phương pháp phỏng vấn	35

CHƯƠNG 4: THỰC TRẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HỆ THỐNG KẾ TOÁN TẠI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	39
4.1 . Giới thiệu doanh nghiệp.....	39
4.2 Thực trạng việc chuyển đổi số trong hệ thống kế toán của 02 doanh nghiệp thương mại điển hình.....	42
4.2.1. Đặc điểm, điều kiện và động lực thúc đẩy áp dụng chuyển đổi số trong hệ thống kế toán	42
4.2.2. Mức độ ứng dụng công nghệ chuyển đổi số	46
4.3. Phân tích tác động của chuyển đổi số đến hệ thống kế toán.....	51
4.3.1. Ảnh hưởng đến hiệu suất làm việc của nhân viên kế toán	52
4.3.2. Ảnh hưởng đến độ chính xác và tốc độ xử lý dữ liệu tài chính	54
4.3.3. Triển vọng và định hướng phát triển trong tương lai.....	56
CHƯƠNG 5 : ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	58
5.1. Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả chuyển đổi số trong kế toán.....	58
5.2. Khuyến nghị cho doanh nghiệp.....	60
5.2.1. Chuyển đổi số - Con đường sống còn để phát triển bền vững trong thời đại công nghệ.....	60
5.2.2. Xây dựng chiến lược dài hạn: Hành trình với tầm nhìn xa	60
5.2.3. Tận dụng tối đa sự hỗ trợ từ chính phủ và các tổ chức công nghệ	60
5.2.4. Tăng cường học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm giữa các doanh nghiệp.....	61
5.2.5. Đánh giá những thách thức và cơ hội.....	61
5.3. Xây dựng phương pháp đánh giá kết quả của chuyển đổi số trong kế toán thông qua 2 doanh nghiệp thương mại	61
5.3.1. Xây dựng các thước đo theo từng phương diện	61
5.3.2. Thước đo về hiệu suất làm việc của bộ phận kế toán	63
KẾT LUẬN	66
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	68

I. MỞ ĐẦU

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán đã trở thành một xu hướng tất yếu trong bối cảnh công nghệ phát triển mạnh mẽ và nhu cầu tối ưu hóa hoạt động kinh doanh ngày càng tăng. Các nghiên cứu liên quan đến chuyển đổi số trong hệ thống kế toán tại doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp thương mại, đã tập trung vào nhiều khía cạnh quan trọng, từ ứng dụng công nghệ đến đào tạo nguồn nhân lực và đánh giá hiệu quả kinh doanh.

Những năm gần đây, thế giới chứng kiến nhiều sự “điên rồ”: đại dịch Covid-19, những mô hình kinh doanh mới, xu hướng công nghệ mới, hành vi khách hàng mới, nguồn nhân lực mới,... tạo ra khái niệm kỷ nguyên VUCA: Biến động (Volatility), Bất định (Uncertainty), Phức tạp (Complexity), và Mơ hồ (Ambiguity). Trong bối cảnh đó, chuyển đổi số nổi lên như xu thế tất yếu tại tất cả ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh.

Đĩa CD cũ bị thay thế bởi danh sách nhạc trên Youtube và Spotify. Các cuộc giao dịch tại chỗ của ngân hàng nhường chỗ cho internet banking và ví điện tử. Trường học tập trung đóng cửa, học sinh sinh viên học trực tuyến trên ứng dụng Zoom. Mô hình làm việc từ xa, làm việc tại nhà cũng đòi hỏi trang bị phần mềm cộng tác và quản lý công việc.

Chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán đã trở thành một xu hướng tất yếu trong bối cảnh công nghệ phát triển mạnh mẽ và nhu cầu tối ưu hóa hoạt động kinh doanh ngày càng tăng. Các nghiên cứu liên quan đến chuyển đổi số trong hệ thống kế toán tại doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp thương mại, đã tập trung vào nhiều khía cạnh quan trọng, từ ứng dụng công nghệ đến đào tạo nguồn nhân lực và đánh giá hiệu quả kinh doanh.

Chuyển đổi số của chính phủ đã thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp. Theo báo cáo của Bộ thông tin và truyền thông & Hội tin học Việt Nam (2018), chuyển đổi số trong lĩnh vực công như Bộ tài chính, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đòi hỏi doanh nghiệp cũng phải thích ứng. Doanh nghiệp chuyển đổi số mô hình kinh doanh đã dẫn đến chuyển đổi số trong kế toán. Các công nghệ như dữ liệu lớn, điện toán đám mây đã giúp quy trình kế toán được thực hiện theo thời gian thực và bảo mật hơn, tổ chức kế toán trở nên linh hoạt hơn, báo cáo tài chính cung cấp nhiều thông tin có giá trị và làm thay đổi đáng kể vai trò của kế toán. Năm 2022, chính phủ Việt Nam đã phê

duyet Chiến lược kế toán - kiểm toán đến năm 2030 nhấn mạnh sự cần thiết phải tăng cường việc áp dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác kế toán, kiểm toán (Chính phủ, 2022).

Tuy nhiên, các nghiên cứu về chuyển đổi số trong kế toán của Việt Nam hiện nay rất hạn chế, như mới chỉ xem xét ảnh hưởng của nhận thức đến thực hiện kế toán số (Phạm Quang Huy & Vũ Kiến Phúc, 2021) hay về những định hướng cho thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán (Nguyễn Phước Bảo Ân & cộng sự, 2021). Với những khoảng trống nghiên cứu hiện nay, mục tiêu nghiên cứu này nhằm đánh giá mức độ chuyển đổi số trong kế toán và khảo sát yếu tố ảnh hưởng đến mức độ chuyển đổi số trong kế toán. Nghiên cứu nhằm cung cấp những đóng góp cho cả lý thuyết và thực hành chuyển đổi số trong kế toán. Cấu trúc bài nghiên cứu được trình bày trong các phần tiếp theo gồm có cơ sở lý thuyết, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu và thảo luận và phần kết luận nghiên cứu

2. Mục tiêu của đề tài

2.1. Mục tiêu tổng quát:

Trên cơ sở lý luận về chuyển đổi số trong hệ thống kế toán và nghiên cứu thực trạng áp dụng chuyển đổi số trong hệ thống kế toán tại doanh nghiệp thương mại điển hình tại khu vực Hà Nội. Nghiên cứu sẽ đề xuất các giải pháp hoàn thiện và nâng cao khả năng áp dụng chuyển đổi số trong hệ thống kế toán tại doanh nghiệp thương mại điển hình.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Hệ thống hóa lý thuyết về chuyển đổi số trong hệ thống kế toán, lý thuyết nền và các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng chuyển đổi số trong hệ thống kế toán trong các nghiên cứu đã có.

Nghiên cứu thực trạng áp dụng chuyển đổi số trong hệ thống kế toán tại doanh nghiệp thương mại điển hình

Dựa nghiên cứu thực trạng, nhóm tác giả đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện áp dụng chuyển đổi số trong hệ thống kế toán tại doanh nghiệp thương mại điển hình và các giải pháp nhằm nâng cao khả năng áp dụng đối với mô hình chuyển đổi số tại doanh nghiệp chưa áp dụng nhằm giúp mô hình doanh nghiệp đạt được hiệu quả hoạt động tốt hơn.

2.3. Cách tiếp cận

Sử dụng phương pháp định tính đến trực tiếp công ty để phỏng vấn: nhóm thực hiện phỏng vấn sâu các chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán tại doanh nghiệp thương mại điển hình. Thông qua đó nhóm đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới việc chuyển đổi số trong doanh nghiệp thương mại tại Hà Nội và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng chuyển đổi số vào hệ

thống kê toán tại doanh nghiệp thương mại tại Hà Nội.

2.4. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu

a. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

- Đối tượng nghiên cứu: Chuyển đổi số trong hệ thống kế toán tại các doanh nghiệp thương mại.
- Phạm vi nghiên cứu: Công ty cổ phần đầu tư thương mại Mai Thị
- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 02 – tháng 03/2025

II. NỘI DUNG CỦA CỬA ĐỀ TÀI

Nội dung nghiên cứu

Kết cấu của bài nghiên cứu nhóm chúng em chia làm 5 chương:

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HỆ THỐNG KẾ TOÁN

CHƯƠNG 3 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 4: THỰC TRẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HỆ THỐNG KẾ TOÁN TẠI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

CHƯƠNG 5 : ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP VÀ KHUYẾN NGHỊ

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

1.1. Chuyển đổi số trong kế toán

Chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, kỳ vọng tạo ra nhiều cơ hội trong việc nâng cao năng suất lao động, trình độ công nghệ và khả năng cạnh tranh cho quốc gia cũng như doanh nghiệp của Việt Nam. Với việc ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg, Việt Nam khẳng định tầm nhìn trở thành quốc gia số (Chính phủ, 2020) nhằm mang lại sự thay đổi toàn diện trong các lĩnh vực. Các chương trình phát triển ở các mức độ khác nhau nhằm đổi mới hoạt động quản lý, điều hành của chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như lối sống của người dân. Sau đại dịch Covid-19, chuyển đổi số tại Việt Nam cho thấy ảnh hưởng lan tỏa tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Chuyển đổi số của chính phủ đã thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp. Theo báo cáo của Bộ thông tin và truyền thông & Hội tin học Việt Nam (2018), chuyển đổi số trong lĩnh vực công như Bộ tài chính, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đòi hỏi doanh nghiệp cũng phải thích ứng. Doanh nghiệp chuyển đổi số mô hình kinh doanh đã dẫn đến chuyển đổi số trong kế toán. Các công nghệ như dữ liệu lớn, điện toán đám mây đã giúp quy trình kế toán được thực hiện theo thời gian thực và bảo mật hơn, tổ chức kế toán trở nên linh hoạt hơn, báo cáo tài chính cung cấp nhiều thông tin có giá trị và làm thay đổi đáng kể vai trò của kế toán. Năm 2022, chính phủ Việt Nam đã phê duyệt Chiến lược kế toán - kiểm toán đến năm 2030 nhấn mạnh sự cần thiết phải tăng cường việc áp dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác kế toán, kiểm toán (Chính phủ, 2022).

Tuy nhiên, các nghiên cứu về chuyển đổi số trong kế toán của Việt Nam hiện nay rất hạn chế, như mới chỉ xem xét ảnh hưởng của nhận thức đến thực hiện kế toán số (Phạm Quang Huy & Vũ Kiến Phúc, 2021) hay về những định hướng cho thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán (Nguyễn Phước Bảo Ân & cộng sự, 2021). Với những khoảng trống nghiên cứu hiện nay, mục tiêu nghiên cứu này nhằm đánh giá mức độ chuyển đổi số trong kế toán và khảo sát yếu tố ảnh hưởng đến mức độ chuyển đổi số trong kế toán. Nghiên cứu nhằm cung cấp những đóng góp cho cả lý thuyết và thực hành chuyển đổi số trong kế toán. Cấu trúc bài nghiên cứu được trình bày trong các phần tiếp theo gồm có cơ sở lý thuyết, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu và thảo luận và phân kết luận nghiên cứu.

1.2. Tổng quan nghiên cứu các công nghệ của chuyển đổi số trong kế toán

Báo cáo của ACCA/IMA (2013) chỉ ra 10 xu hướng công nghệ tiềm năng ảnh hưởng đến kế toán, trong khi đó, Lyford-Smith (2019) nhấn mạnh rằng có 04 công nghệ có ảnh hưởng mạnh mẽ trong lĩnh vực kế toán. Một số nghiên cứu khác cũng đề cập đến các ứng dụng công nghệ được áp dụng trong lĩnh vực kế toán và tạo ra những thay đổi lớn trong hệ thống kế toán doanh nghiệp và có thể thấy sự phổ biến của 08 công nghệ sau:

Điện toán đám mây, hay Cloud Computing, là mô hình cung cấp các tài nguyên công nghệ như máy chủ, cơ sở dữ liệu, phần mềm, và lưu trữ dưới dạng dịch vụ thông qua Internet (Nguyễn Thu Huế, 2025). Còn trong lĩnh vực kế toán điện toán đám mây giúp Lưu trữ và chia sẻ dữ liệu; Quản lý dữ liệu; Lưu giữ trên các ứng dụng kế toán; Làm cơ sở dữ liệu cho doanh nghiệp (DN) và công cụ bảo mật và tin cậy; truy cập từ xa và tích hợp; tăng cường hiệu suất làm việc. Đồng thời tiết kiệm chi phí; linh hoạt và mở rộng dễ dàng (Nguyễn Hải Yến, 2024)

Công nghệ chuỗi khối (Blockchain) là danh sách các bản ghi ngày càng tăng, được liên kết với nhau bằng mật mã và được chia sẻ bình đẳng tới các thiết bị, máy tính kết nối vào hệ thống (Phạm Thị Lan Anh*Khoa Công nghệ thông tin, Học viện Nông nghiệp Việt Nam-2023). Blockchain theo khía cạnh kế toán là một công nghệ cho phép truyền tải dữ liệu một cách an toàn dựa vào hệ thống mã hóa vô cùng phức tạp, tương tự như cuốn sổ cái kế toán hoạt động trong lĩnh vực kỹ thuật số (Đinh Thị Kim Khiết, 2024).

Hệ thống hoạch định nguồn lực (ERP) là cốt lõi của hệ thống, được thiết kế để tích hợp và tự động hóa các chức năng kinh doanh chính như quản lý Kế toán & Tài chính, Quản lý hàng tồn kho, Quản lý bán hàng và Quản lý nguồn nhân lực, v.v. Nó cung cấp một nền tảng tập trung giúp hợp lý hóa các hoạt động, giảm các tác vụ thủ công và cải thiện việc ra quyết định thông qua việc truy cập dữ liệu theo thời gian thực (Nguyễn Phương Dung - 2023)

Dữ liệu lớn (Big Data) là dữ liệu lớn là những nguồn thông tin có đặc điểm chung khối lượng lớn, tốc độ nhanh và dữ liệu định dạng dưới nhiều hình thức khác nhau, do đó muốn khai thác được đòi hỏi phải có hình thức xử lý mới để đưa ra quyết định, khám phá và tối ưu hóa quy trình (Gartner, 2012). Còn trong lĩnh vực kế toán là quá trình phân tích dữ liệu với mục tiêu rút ra các kết luận có ý nghĩa. Các doanh

ng nghiệp và tổ chức đã nhận ra cơ hội mà dữ liệu lớn và việc phân tích dữ liệu lớn mang lại. Một trong các lĩnh vực ảnh hưởng đáng kể là sự kiểm toán. Khối lượng dữ liệu khổng lồ hiện có sẵn bên trong và bên ngoài các công ty, cùng với sức mạnh của công nghệ phân tích dữ liệu mới có tác động không nhỏ và thay đổi cơ bản hoạt động kiểm toán (Nguyễn Hồng Anh, 2023)

Trí tuệ nhân tạo (AI) Kế toán hiện đang là một lĩnh vực được ứng dụng trí tuệ nhân tạo từ tự động hóa đơn giản đến tự động hóa quy trình bằng robot. Theo Lee & Tajudeen (2020), việc sử dụng phần mềm kế toán trên nền tảng AI giúp tăng năng suất và hiệu quả, nâng cao dịch vụ khách hàng, hỗ trợ phong cách làm việc linh hoạt, tăng khả năng quản trị quy trình cũng như tiết kiệm nhân lực. Sử dụng AI cho phép kế toán tập trung vào các nhiệm vụ có giá trị hơn như ra quyết định, giải quyết vấn đề, tư vấn, phát triển chiến lược và lãnh đạo (FSB, 2017). Tuy vậy, công nghệ này cũng có thể đe dọa vai trò của một số kế toán viên hoặc thậm chí vi phạm các tiêu chuẩn đạo đức nếu nó không được thiết kế và triển khai đúng cách.

Ngôn ngữ báo cáo kinh doanh mở rộng (XBRL): XBRL là một ngôn ngữ đánh dấu điện tử giúp chuyển đổi thông tin tài chính và phi tài chính thành các định dạng mà máy có thể đọc được và con người có thể đọc được, phổ biến như dùng để nộp tờ khai điện tử (ACCA/IMA, 2013). XBRL cung cấp các cơ hội nghiên cứu phong phú, bao gồm các nguyên tắc phân loại mới, kế toán cơ sở dữ liệu, đảm bảo báo cáo tài chính, giao diện người/máy tính, quy trình phát triển tiêu chuẩn (Debreceeny & Gray, 2001). Sử dụng XBRL giúp chuẩn hóa và kết nối các cơ sở dữ liệu để giảm thiểu những nguy cơ về rủi ro gian lận trong hệ thống thông tin kế toán (Yoon, 2020).

Internet vạn vật (IoT): IoT là mạng lưới các đối tượng vật lý được nhúng với thiết bị điện tử, mạch, phần mềm, cảm biến và kết nối mạng cho phép thu thập và trao đổi dữ liệu (Gokhale & cộng sự 2018). IoT sẽ đóng một vai trò to lớn cả về tài chính và kế toán trong tương lai gần và sẽ là một phần không thể thiếu trong hai chức năng kinh doanh, giúp kế toán trong việc cung cấp dữ liệu cho các mô hình kinh doanh, quản lý tài sản, quản lý hàng tồn kho, dịch vụ thanh toán, hoạt động kiểm toán, lập ngân sách và tư vấn cho khách hàng (Yilmaz & Hazar, 2019).

Tự động hóa quá trình bằng robot (RPA): RPA là một lĩnh vực tối ưu hóa tác vụ bao gồm mô phỏng các hoạt động của con người thông qua máy móc (Gonçalves & cộng sự 2022). Việc sử dụng hiệu quả RPA yêu cầu ứng dụng các thuật toán AI và có

thể tự động hóa quy trình thông minh (Lin, 2018) và do đó, RPA có tác động lớn đối với các hoạt động kế toán. Việc thu thập và nhập dữ liệu từng chiếm phần lớn thời gian trong ngày của kế toán đang được tự động hóa bằng robot, tuy nhiên, cần cân nhắc các vấn đề về quản trị, rủi ro và tuân thủ khi thực hiện RPA (Harrast, 2020).

1.3. Tổng quan về các yếu tố ảnh hưởng đến chuyển đổi số trong kế toán

Có nhiều nghiên cứu tìm hiểu về yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi số nói chung và trong lĩnh vực kế toán nói riêng. Nwankpa & Roumani (2016) đã nhấn mạnh về yếu tố năng lực về công nghệ thông tin đối với quá trình chuyển đổi số của doanh nghiệp. Quá trình chuyển đổi số nhấn mạnh đến sự thay đổi mạnh mẽ và tức thời trong giai đoạn đầu của chuyển đổi số có thể gây ra sự gián đoạn trong kinh doanh. Chính vì vậy mà Gamil & Cwirzen (2022) cũng củng cố cho các doanh nghiệp chú ý về sự ứng dụng mạnh mẽ về công nghệ, trong khi đó, Ghobakhloo & Iranmanesh (2021) nhấn mạnh việc xây dựng chiến lược hay những hướng dẫn cho quá trình chuyển đổi số.

Osmundsen & cộng sự (2018) đã thống kê 08 nhóm nhân tố có ảnh hưởng đến sự thành công của quá trình chuyển đổi số tại các doanh nghiệp bao gồm: Văn hóa doanh nghiệp có tính hỗ trợ; quản lý tốt các hoạt động chuyển đổi số; tận dụng được kiến thức có sẵn bên trong và ngoài công ty; thu hút và gắn kết nhà quản lý và nhân viên; phát triển năng lực của hệ thống thông tin của công ty; phát triển khả năng năng động và thích ứng của công ty; phát triển chiến lược kinh doanh kỹ thuật số và đồng bộ giữa hoạt động kinh doanh và hệ thống thông tin. Trong lĩnh vực kế toán, tác giả Kruskopf & cộng sự (2020) đã nhấn mạnh đến vai trò của yếu tố con người trong quá trình chuyển đổi số của kế toán doanh nghiệp. Trong khi đó, Morakanyane & cộng sự (2020) tổng hợp và trình bày các kết quả từ các nghiên cứu trước, chỉ ra các nhóm nhân tố ảnh hưởng đến sự thành công của chuyển đổi số trong doanh nghiệp gồm: Sự xuất hiện của các tác nhân chuyển đổi số, sự xuất hiện của tổ chức chuyển đổi số; trau dồi văn hóa chuyển đổi số; sự phát triển tầm nhìn chuyển đổi số; sự xác định các yếu tố ảnh hưởng đến chuyển đổi số; xác định các lĩnh vực được chuyển đổi số; và xác định tác động của chuyển đổi số. Việc xác định toàn diện quá trình chuyển đổi số từ tác nhân gây ra, đến quá trình thực hiện, những yếu tố ảnh hưởng và tác động đến doanh nghiệp sẽ giúp có sự chuẩn bị và tạo sự thành công cho quá trình chuyển đổi số.

Như vậy, các nghiên cứu trước đã có những hướng tiếp cận khác nhau để chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện chuyển đổi số. Nghiên cứu này kế thừa kết quả nghiên cứu của Osmundsen & cộng sự (2018) với 08 nhóm yếu tố để sử dụng khảo sát ảnh hưởng của các yếu tố này đến quá trình chuyển đổi số trong kế toán trong các doanh nghiệp.

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HỆ THỐNG KẾ TOÁN

2.1. Khái niệm về chuyển đổi số và kế toán số

2.1.1. Định nghĩa chuyển đổi số và các cấp độ chuyển đổi số

Chuyển đổi số (*Digital transformation - DT*) là một thuật ngữ ngày càng trở nên phổ biến và mang tính cấp thiết trong bối cảnh kỷ nguyên số, không đơn thuần là việc số hóa các quy trình hiện có hay ứng dụng rời rạc một vài công nghệ mới. Thay vào đó, nó là một quá trình thay đổi mang tính chiến lược, toàn diện và sâu rộng, tác động đến mọi khía cạnh của một tổ chức, doanh nghiệp, thậm chí là cả một quốc gia và xã hội. Để hiểu rõ bản chất của chuyển đổi số, chúng ta cần xem xét nó dưới nhiều góc độ khác nhau, tổng hợp những định nghĩa và quan điểm từ các nhà nghiên cứu, tổ chức uy tín và thực tiễn triển khai trên toàn cầu.

Ở cấp độ cơ bản nhất, chuyển đổi số có thể được hiểu là việc ứng dụng công nghệ số (digital technologies) vào mọi hoạt động của một tổ chức hoặc xã hội, nhằm thay đổi cách thức vận hành, tương tác và tạo ra giá trị mới. Công nghệ số ở đây bao gồm một phổ rộng các công nghệ tiên tiến như điện toán đám mây (cloud computing), trí tuệ nhân tạo (artificial intelligence - AI), Internet vạn vật (Internet of Things - IoT), dữ liệu lớn (big data), phân tích dữ liệu (data analytics), chuỗi khối (blockchain), thực tế ảo (virtual reality - VR) và thực tế tăng cường (augmented reality - AR), cùng nhiều công nghệ khác đang tiếp tục phát triển.

Tuy nhiên, định nghĩa này mới chỉ chạm đến bề nổi của vấn đề. Chuyển đổi số không chỉ là về công nghệ mà còn liên quan mật thiết đến tư duy (mindset), văn hóa (culture), quy trình (processes) và con người (people). Nó đòi hỏi một sự thay đổi căn bản trong cách các tổ chức suy nghĩ, làm việc và tương tác với khách hàng, đối tác và các bên liên quan.

Theo Microsoft, một trong những tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới, định nghĩa chuyển đổi số là sự đổi mới kinh doanh được thúc đẩy bởi điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo (AI) và Internet vạn vật (IoT), mang lại những cách thức mới để hiểu, quản lý và chuyển đổi hoạt động kinh doanh. Định nghĩa này nhấn mạnh vai trò của các công nghệ cụ thể và tập trung vào kết quả là sự đổi mới trong hoạt động kinh doanh hay như Gartner, một công ty nghiên cứu và tư vấn hàng đầu, tiếp cận chuyển đổi số như việc sử dụng công nghệ số để thay đổi mô hình kinh doanh, tạo ra các cơ

hội doanh thu và giá trị mới. Gartner không chỉ tập trung vào việc cải thiện hiệu quả hoạt động mà còn nhấn mạnh đến việc tạo ra những giá trị và mô hình kinh doanh hoàn toàn mới.

Vial (2021) định nghĩa chuyển đổi số (Digital transformation - DT) là “một quá trình nhằm cải thiện một thực thể bằng cách tạo ra những thay đổi đáng kể trong các đặc tính của nó thông qua sự kết hợp của các công nghệ thông tin (information), điện toán (computing), truyền thông (communication), và kết nối (connectivity).” Việc chuyển đổi danh tính doanh nghiệp, quy trình và cấu trúc tổ chức có liên quan chặt chẽ đến định nghĩa này (Wessel và cộng sự., 2021), cho thấy DT gắn liền với việc tạo ra các mô hình kinh doanh mới cũng như sản phẩm và dịch vụ đổi mới - tức đổi mới tổ chức (organizational innovation) (Ceipek và cộng sự., 2021).

Ngoài ra, việc tích hợp các công nghệ số còn giúp tái định hình chuỗi giá trị, cải thiện hiệu suất và khả năng phản hồi thông qua tự động hóa (automation) và hợp tác (collaboration). Do đó, DT thúc đẩy các công ty và tổ chức đánh giá lại mô hình kinh doanh của mình cũng như giá trị của dữ liệu trong đó (Adama & Okeke, 2024), bởi lẽ dữ liệu được xem là yếu tố cốt lõi của mọi hệ thống số và là trung tâm của quá trình thay đổi mang tính nền tảng trong chuyển đổi số tổ chức (Qiao và cộng sự., 2024). Nhiều định nghĩa và khung lý thuyết về DT đã được đề xuất (Vial, 2021), song điểm chung đều nhấn mạnh đến sự thay đổi trong cách thức tổ chức và doanh nghiệp tạo ra giá trị thông qua số hóa (digitization).

Nghiên cứu của Verhoef, Broekhuizen, Bart, Donkers, Slotegraaf, Van Weele và Kannan (2021) trong bài báo "Digital Transformation: A Multidisciplinary Reflection and Research Agenda": Nghiên cứu này đưa ra một cái nhìn đa ngành về chuyển đổi số và định nghĩa nó là sự thay đổi trong các hoạt động kinh doanh, quy trình, năng lực và mô hình bằng cách tận dụng các công nghệ số để cải thiện hiệu quả, nâng cao giá trị cho khách hàng, tiếp cận các thị trường mới và tạo ra các cơ hội tăng trưởng mới. Nghiên cứu này nhấn mạnh tính đa dạng của các mục tiêu mà chuyển đổi số hướng đến.

Diễn đàn Kinh tế Thế giới (World Economic Forum - WEF) định nghĩa chuyển đổi số là sự tích hợp các công nghệ số vào tất cả các lĩnh vực của một doanh nghiệp, dẫn đến những thay đổi căn bản trong cách thức doanh nghiệp hoạt động và cách họ

mang lại giá trị cho khách hàng. WEF nhấn mạnh tính toàn diện và tác động sâu sắc của chuyển đổi số đến mọi khía cạnh của doanh nghiệp.

Chuyển đổi số trong doanh nghiệp bao gồm *ba giai đoạn chính*, như được định nghĩa bởi Bộ Thông tin và Truyền thông Việt Nam (2020):

- **Giai đoạn 1: Số hóa (Digitization):** Chuyển đổi dữ liệu từ dạng analog (dữ liệu giấy) sang dạng số (digital). Ví dụ, quét tài liệu giấy thành file PDF.
- **Giai đoạn 2: Ứng dụng công nghệ số (Digitalization):** Sử dụng công nghệ số để tối ưu hóa các quy trình và nâng cao hiệu quả hoạt động.
- **Giai đoạn 3: Chuyển đổi số toàn diện (Digital Transformation):** Là sự thay đổi chiến lược toàn diện trong cách thức tạo ra giá trị, cạnh tranh và quản lý doanh nghiệp.

Chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán đóng vai trò đặc biệt quan trọng, bởi kế toán là bộ phận cốt lõi trong quản trị tài chính doanh nghiệp và có tác động trực tiếp đến các quyết định quan trọng của tổ chức.



Từ những định nghĩa trên, chúng ta có thể tổng hợp một cách toàn diện hơn về chuyển đổi số như sau:

Chuyển đổi số là quá trình sử dụng một cách chiến lược và sáng tạo các công nghệ số để thay đổi căn bản cách thức một tổ chức (doanh nghiệp, chính phủ, tổ chức xã hội, v.v.) hoạt động, tương tác với các bên liên quan và tạo ra giá trị mới. Quá trình này không chỉ bao gồm việc ứng dụng công nghệ mà còn đòi hỏi sự thay đổi về tư duy, văn hóa, quy trình và kỹ năng của con người, hướng tới mục tiêu

nâng cao hiệu quả, tối ưu hóa trải nghiệm, tạo ra các mô hình kinh doanh mới và tăng cường khả năng cạnh tranh trong bối cảnh kỹ nguyên số.

Định nghĩa này làm nổi bật một số khía cạnh quan trọng của chuyển đổi số:

- **Tính chiến lược:** Chuyển đổi số không phải là một dự án công nghệ đơn lẻ mà là một chiến lược dài hạn, cần được hoạch định và triển khai một cách bài bản, phù hợp với mục tiêu và tầm nhìn của tổ chức.

- **Tính toàn diện:** Nó tác động đến mọi bộ phận, quy trình và hoạt động của tổ chức, từ sản xuất, marketing, bán hàng, dịch vụ khách hàng đến quản lý nhân sự và tài chính.

- **Tính thay đổi căn bản:** Chuyển đổi số không chỉ đơn thuần là số hóa các hoạt động hiện có mà còn là cơ hội để tái cấu trúc quy trình, tạo ra những phương thức làm việc mới và hiệu quả hơn.

- **Vai trò của công nghệ số:** Công nghệ số là công cụ và nền tảng cốt lõi để thực hiện chuyển đổi số, nhưng nó không phải là mục tiêu cuối cùng.

- **Yếu tố con người:** Sự thành công của chuyển đổi số phụ thuộc lớn vào sự thay đổi về tư duy, văn hóa chấp nhận cái mới và kỹ năng của đội ngũ nhân viên.

- **Mục tiêu tạo ra giá trị mới:** Chuyển đổi số hướng đến việc tạo ra giá trị gia tăng cho khách hàng, tăng cường lợi thế cạnh tranh, mở rộng thị trường và tạo ra các nguồn doanh thu mới.

Chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán đóng vai trò đặc biệt quan trọng, bởi kế toán là bộ phận cốt lõi trong quản trị tài chính doanh nghiệp và liên quan mật thiết đến hoạt động ra quyết định.

2.1.2. Định nghĩa kế toán số và sự khác biệt với kế toán truyền thống

Kế toán số (Digital Accounting) là sự tích hợp công nghệ kỹ thuật số vào tất cả các quy trình kế toán nhằm tự động hóa, tối ưu hóa và số hóa dữ liệu tài chính. Khác với kế toán truyền thống - vốn chủ yếu dựa vào công việc thủ công hoặc bán tự động - kế toán số khai thác tối đa các công nghệ như phần mềm kế toán, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing), nhằm cải thiện độ chính xác và hiệu quả.

Trong lĩnh vực kế toán số, PGS.TS. Đặng Văn Thanh đã có nhiều nghiên cứu và bài viết, trong đó có cuốn "Kế toán số" xuất bản năm 2021 (đồng tác giả Ths. Nguyễn Tiến Thanh), tập trung phân tích sự thay đổi của nghiệp vụ kế toán dưới tác động của công nghệ số. Một bài viết khác của ông năm 2021 trên Tạp chí Kế toán và Kiểm toán cũng đề cập đến nhận thức về chức năng kế toán trong bối cảnh công nghệ số. Cùng với đó thì có cũng có 1 vài tác giả cũng đã đi nghiên cứu về vấn đề này như :TS. Nguyễn Phước Bảo Ân, TS. Trần Anh Hoa và TS. Phạm Trà Lam trong chương sách năm 2021 "Định hướng phát triển chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán" đã

đưa ra những phân tích sâu sắc về xu hướng và định hướng phát triển của chuyển đổi số trong ngành kế toán và kiểm toán tại Việt Nam.

Một nghiên cứu khác vào năm 2023 của Nguyễn Thị Hồng Duyên, Vũ Thị Thanh Bình và Nguyễn Thị Hồng Nga với tựa đề "Mức độ chuyển đổi số trong kế toán tại doanh nghiệp của Việt Nam" đã khảo sát và đánh giá thực trạng ứng dụng chuyển đổi số trong các doanh nghiệp Việt Nam hay Hiệp hội kế toán ACCA (Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh) trong báo cáo năm 2016 "Professional Accountants - The Future: Drivers of Change and Future Skills" đã chỉ ra những động lực thay đổi và các kỹ năng cần thiết cho kế toán viên chuyên nghiệp trong tương lai, bao gồm cả những kỹ năng liên quan đến công nghệ số.

Bảng so sánh sự khác biệt giữa kế toán số và kế toán truyền thống

Tiêu chí	Kế toán truyền thống	Kế toán số
Phương thức xử lý	Ghi chép thủ công, Excel	Phần mềm kế toán, hệ thống ERP
Tốc độ xử lý	Chậm, phụ thuộc vào con người	Nhanh, tự động hóa quy trình
Tính chính xác	Dễ xảy ra sai sót	Tối ưu nhờ thuật toán kiểm tra
Khả năng dự báo	Hạn chế	Có thể dự đoán tài chính qua AI
Khả năng mở rộng	Thấp	Cao, thích ứng với quy mô DN

Nguồn: nhóm tác giả xây dựng

Kế toán số không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, mà còn hỗ trợ các nhà quản trị ra quyết định chiến lược dựa trên dữ liệu thời gian thực.

2.2. Các yếu tố của chuyển đổi số trong hệ thống kế toán

2.2.1. Ứng dụng phần mềm và công nghệ hiện đại

Đất nước đang trong thời kì đổi mới, sự chuyển biến về thời kỳ kỷ nguyên số đang diễn ra với tốc độ chóng mặt, việc ứng dụng phần mềm và công nghệ hiện đại không còn là một lựa chọn mà đã trở thành một yếu tố sống còn đối với sự phát triển và khả năng cạnh tranh của mọi tổ chức, doanh nghiệp, và thậm chí là cả quốc gia. Sự tiến bộ vượt bậc của khoa học công nghệ đã mang đến những công cụ mạnh mẽ, cho phép chúng ta tối ưu hóa quy trình, nâng cao hiệu quả hoạt động, tạo ra những sản phẩm và dịch vụ mới, và tương tác với thế giới theo những cách thức chưa từng có.

Erik Brynjolfsson và Andrew McAfee trong cuốn sách nổi tiếng "The Second Machine Age: Work, Progress, and Prosperity in a Time of Brilliant Technologies" (2014) đã chỉ ra rằng chúng ta đang bước vào một giai đoạn mới của lịch sử kinh tế, được đặc trưng bởi sự tăng trưởng theo cấp số nhân của sức mạnh tính toán, dữ liệu

lớn và trí tuệ nhân tạo. Họ nhấn mạnh rằng những công nghệ này không chỉ tự động hóa các tác vụ lặp đi lặp lại mà còn có khả năng thực hiện những công việc mang tính nhận thức phức tạp, mở ra những cơ hội to lớn nhưng cũng đặt ra những thách thức không nhỏ cho lực lượng lao động và cấu trúc kinh tế.

Ứng dụng phần mềm hiện đại đóng vai trò trung tâm trong việc hiện thực hóa tiềm năng của các công nghệ này. Các phần mềm quản lý doanh nghiệp (ERP), phần mềm quản lý quan hệ khách hàng (CRM), phần mềm quản lý chuỗi cung ứng (SCM), và vô số các ứng dụng chuyên biệt khác đã trở thành công cụ không thể thiếu trong việc tối ưu hóa hoạt động nội bộ, quản lý nguồn lực hiệu quả, và xây dựng mối quan hệ bền vững với khách hàng. Theo nghiên cứu của Statista (2023), thị trường phần mềm doanh nghiệp toàn cầu tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ, cho thấy sự nhận thức ngày càng cao về vai trò quan trọng của phần mềm trong việc nâng cao năng suất và hiệu quả kinh doanh.

Bên cạnh phần mềm, các công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây (cloud computing), và phân tích dữ liệu lớn (big data) đang tạo ra những cuộc cách mạng trong nhiều lĩnh vực. Andrew Ng, một nhà khoa học máy tính hàng đầu, đã từng nói rằng "AI is the new electricity", ám chỉ tầm quan trọng và khả năng lan tỏa của AI trong tương lai. AI không chỉ giúp tự động hóa các quy trình mà còn có khả năng phân tích dữ liệu phức tạp, đưa ra dự đoán chính xác, và hỗ trợ con người trong việc ra quyết định. Các ứng dụng của AI đang ngày càng đa dạng, từ trợ lý ảo, hệ thống khuyến nghị, đến xe tự lái và chẩn đoán y tế.

Internet vạn vật (IoT) đang kết nối hàng tỷ thiết bị vật lý với internet, tạo ra một mạng lưới thông tin khổng lồ. Theo báo cáo của McKinsey (2021), IoT có tiềm năng tạo ra giá trị kinh tế hàng nghìn tỷ đô la thông qua việc cải thiện hiệu quả hoạt động, tạo ra các dịch vụ mới, và nâng cao chất lượng cuộc sống. Điện toán đám mây cung cấp cơ sở hạ tầng linh hoạt và khả năng mở rộng cho việc lưu trữ và xử lý dữ liệu, giúp các tổ chức giảm chi phí đầu tư ban đầu và tập trung vào các hoạt động cốt lõi. Phân tích dữ liệu lớn cho phép các doanh nghiệp khai thác thông tin giá trị từ lượng dữ liệu khổng lồ mà họ thu thập được, từ đó đưa ra những quyết định dựa trên bằng chứng và hiểu rõ hơn về khách hàng của mình. Viktor Mayer-Schönberger và Kenneth Cukier trong cuốn sách "Big Data: A Revolution That Will Transform How We Live, Work,

and Think" (2013) đã làm nổi bật sức mạnh biến đổi của dữ liệu lớn và phân tích dữ liệu trong mọi khía cạnh của cuộc sống.

Tuy nhiên, việc ứng dụng phần mềm và công nghệ hiện đại không chỉ mang lại những lợi ích mà còn đặt ra những thách thức. Các tổ chức cần phải đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đào tạo nhân lực, và xây dựng một văn hóa đổi mới để có thể tận dụng tối đa tiềm năng của công nghệ. Vấn đề bảo mật dữ liệu và quyền riêng tư cũng trở nên ngày càng quan trọng trong một thế giới kết nối. Shoshana Zuboff trong cuốn sách "The Age of Surveillance Capitalism: The Fight for a Human Future at the New Frontier of Power" (2019) đã cảnh báo về những nguy cơ tiềm ẩn của việc thu thập và sử dụng dữ liệu cá nhân một cách không kiểm soát.

Việc ứng dụng các công nghệ hiện đại trong kế toán giúp thay đổi căn bản cách thức ghi nhận, xử lý và báo cáo thông tin tài chính:

- **Hệ thống ERP (Enterprise Resource Planning):** Tích hợp kế toán với các bộ phận khác như mua hàng, kho, nhân sự giúp đồng bộ hóa dữ liệu. Theo nghiên cứu của Scapens & Jazayeri (2003), việc áp dụng hệ thống ERP vào kế toán giúp chuẩn hóa quy trình, cải thiện độ chính xác và khả năng kiểm soát thông tin.

- **ERP (Enterprise Resource Planning):** Tích hợp dữ liệu kế toán với các bộ phận như mua hàng, bán hàng, sản xuất.

- **Trí tuệ nhân tạo (AI):** Phân tích dữ liệu, nhận diện bất thường và đưa ra dự đoán về rủi ro tài chính.

- **Blockchain:** Tăng tính minh bạch và bảo mật, giảm rủi ro gian lận tài chính nhờ vào hệ thống ghi nhận giao dịch bất biến.

- **Điện toán đám mây (Cloud Computing):** Giúp lưu trữ dữ liệu an toàn, truy cập linh hoạt và tiết kiệm chi phí hạ tầng.

- **RPA (Robotic Process Automation):** Tự động hóa các quy trình lặp đi lặp lại như nhập liệu, lập hóa đơn, đối chiếu chứng từ. **Thực tế:** Tập đoàn KPMG đã ứng dụng RPA để rút ngắn thời gian đối chiếu dữ liệu tài chính từ 8 giờ xuống còn chưa đầy 1 giờ, với độ chính xác trên 99%.

- **Big Data:** Cho phép khai thác lượng dữ liệu lớn để phân tích hành vi tài chính, đánh giá hiệu quả chi phí và tối ưu chiến lược.

2.2.2. Tự động hóa quy trình kế toán

Tự động hóa quy trình là một yếu tố cực kỳ quan trọng trong quá trình chuyển đổi số. Một khảo sát của Deloitte (2020) cho thấy, khoảng 75% doanh nghiệp đã ứng dụng công nghệ RPA trong ít nhất một quy trình tài chính, và khoảng 38% trong số đó đã mở rộng việc ứng dụng này ra toàn bộ hệ thống.

Lợi ích của tự động hóa trong kế toán:

Tự động hóa đang tạo ra một cuộc cách mạng trong nhiều lĩnh vực, và kế toán không nằm ngoài xu hướng đó. Việc ứng dụng các phần mềm và công nghệ hiện đại để tự động hóa các quy trình kế toán mang lại vô số lợi ích thiết thực, không chỉ nâng cao hiệu quả hoạt động mà còn cung cấp những thông tin giá trị hơn cho việc ra quyết định của doanh nghiệp. Một trong những lợi ích cốt lõi của tự động hóa kế toán là khả năng ghi nhận và xử lý các giao dịch tài chính một cách nhanh chóng và chính xác. Thay vì nhập liệu thủ công tốn thời gian và dễ xảy ra sai sót, các hệ thống tự động hóa có thể thu thập dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau và ghi nhận chúng vào sổ sách kế toán một cách tức thì. Hơn nữa, tự động hóa còn cho phép cung cấp báo cáo tài chính theo thời gian thực, giúp nhà quản lý có cái nhìn cập nhật và toàn diện về tình hình tài chính của doanh nghiệp bất cứ lúc nào. Điều này đặc biệt quan trọng trong môi trường kinh doanh biến động, nơi thông tin kịp thời là yếu tố then chốt để đưa ra các quyết định chiến lược đúng đắn. Bên cạnh đó, tự động hóa còn giúp đồng bộ hóa dữ liệu từ các hệ thống khác nhau như thuế, ngân hàng và kho hàng. Việc tích hợp dữ liệu liền mạch giữa các hệ thống này đảm bảo tính nhất quán và chính xác của thông tin tài chính. Các sai lệch do dữ liệu không đồng bộ hoặc nhập liệu trùng lặp được giảm thiểu đáng kể, từ đó hạn chế rủi ro sai sót trong quá trình lập báo cáo và tuân thủ các quy định pháp lý. Sự chính xác và tin cậy của dữ liệu tài chính được nâng cao, tạo nền tảng vững chắc cho việc phân tích và đưa ra các quyết định kinh doanh quan trọng. Lợi ích không thể bỏ qua của tự động hóa kế toán chính là khả năng giảm thiểu công việc thủ công. Các tác vụ lặp đi lặp lại như nhập liệu, đối chiếu, và lập báo cáo định kỳ có thể được thực hiện một cách tự động bởi phần mềm. Điều này không chỉ hạn chế khả năng sai sót do con người mà còn giúp đội ngũ kế toán giải phóng khỏi những công việc mang tính chất hành chính, tốn thời gian để tập trung vào các hoạt động phân tích sâu hơn, tư vấn tài chính và hỗ trợ chiến lược cho doanh nghiệp. Nghiên cứu của Deloitte (2020) đã chỉ ra rằng tự động hóa có thể giúp giảm tới 40-60% thời gian thực hiện các tác vụ kế toán thông thường.

2.2.3. Ứng dụng chuyển đổi số trong hệ thống kế toán ngày nay

Ngày nay số hóa ngày càng sâu rộng, dữ liệu không còn đơn thuần là những con số khô khan mà đã trở thành một nguồn tài sản vô giá, mang trong mình tiềm năng to lớn để các tổ chức hiểu rõ hơn về quá khứ, hiện tại và dự đoán tương lai. Sự kết hợp mạnh mẽ giữa dữ liệu lớn (Big Data) và phân tích dự đoán (Predictive Analytics) đang mở ra những chân trời mới trong việc ra quyết định, tối ưu hóa hoạt động và tạo ra lợi thế cạnh tranh bền vững cho các doanh nghiệp và tổ chức trên toàn cầu.

Viktor Mayer-Schönberger và Kenneth Cukier trong cuốn sách mang tính đột phá "Big Data: A Revolution That Will Transform How We Live, Work, and Think" (2013) đã sớm nhận ra sức mạnh thay đổi của dữ liệu lớn. Họ định nghĩa dữ liệu lớn không chỉ về khối lượng khổng lồ mà còn bao gồm tốc độ tạo ra dữ liệu nhanh chóng (velocity) và sự đa dạng của các loại dữ liệu (variety). Theo các tác giả, việc phân tích lượng dữ liệu khổng lồ này bằng các công cụ và phương pháp phù hợp sẽ mang lại những hiểu biết sâu sắc và giá trị chưa từng có. Tiếp nối quan điểm này, Gartner định nghĩa phân tích dự đoán là việc sử dụng dữ liệu, các thuật toán thống kê, kỹ thuật học máy và trí tuệ nhân tạo để xác định xác suất của các kết quả trong tương lai dựa trên dữ liệu lịch sử. Phân tích dự đoán không chỉ dừng lại ở việc mô tả những gì đã xảy ra mà còn tập trung vào việc dự đoán những gì có thể xảy ra, từ đó giúp các nhà quản lý đưa ra các quyết định chủ động và phòng ngừa rủi ro. Ứng dụng của dữ liệu lớn và phân tích dự đoán là vô cùng rộng rãi và đang tác động đến mọi lĩnh vực. Trong lĩnh vực kinh doanh, các nghiên cứu của Provost và Fawcett (2013) trong "Data Science for Business: What You Need to Know About Data Mining and Data-Analytic Thinking" đã chỉ ra cách các doanh nghiệp có thể sử dụng dữ liệu để hiểu rõ hơn về hành vi khách hàng, tối ưu hóa chiến dịch marketing, dự đoán xu hướng thị trường và quản lý chuỗi cung ứng hiệu quả hơn. Michael Porter và James Heppelmann trong bài viết "How Smart, Connected Products Are Transforming Competition" (2014) trên tạp chí Harvard Business Review cũng nhấn mạnh vai trò của dữ liệu lớn từ các sản phẩm kết nối trong việc tạo ra những mô hình kinh doanh mới và nâng cao giá trị cho khách hàng.

Trong lĩnh vực tài chính và kế toán, Romney và Steinbart (2018) trong "Accounting Information Systems" đã đề cập đến việc ứng dụng phân tích dữ liệu lớn

để phát hiện gian lận, đánh giá rủi ro tín dụng và dự báo dòng tiền. Các nghiên cứu gần đây tại Việt Nam như của TS. Nguyễn Phương Anh (2025) trên Tạp chí Kinh tế và Dự báo cũng chỉ ra tiềm năng to lớn của trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu lớn trong việc nâng cao hiệu quả kiểm toán báo cáo tài chính. Tuy nhiên, việc ứng dụng dữ liệu lớn và phân tích dự đoán cũng đặt ra những thách thức không nhỏ. O'Reilly (2007) đã cảnh báo về sự cần thiết của các kỹ năng mới và khả năng làm việc với dữ liệu phức tạp. Vấn đề về bảo mật dữ liệu và quyền riêng tư cũng cần được đặc biệt quan tâm (Zuboff, 2019). Hơn nữa, việc đảm bảo chất lượng dữ liệu và tránh những sai lệch trong quá trình phân tích là yếu tố then chốt để đưa ra những dự đoán chính xác và đáng tin cậy (Hand, 2007).

Việc áp dụng Big Data và các mô hình phân tích dự đoán (predictive analytics) trong kế toán mang lại những lợi ích như:

- Dự báo dòng tiền, doanh thu, chi phí.
- Phân tích xu hướng tài chính theo mùa vụ, thị trường.
- Hỗ trợ ra quyết định chiến lược dựa trên dữ liệu khách quan.

2.3. Lợi ích và thách thức của chuyển đổi số trong kế toán

2.3.1. Lợi ích

Theo nghiên cứu của **Bhimani & Willcocks (2014)**, kế toán số mang lại nhiều lợi ích đáng kể. Thứ nhất, **tiết kiệm thời gian** nhờ các quy trình kế toán được tự động hóa, giúp giảm đáng kể thời gian xử lý dữ liệu. Thứ hai, việc xử lý bằng máy móc **giảm thiểu sai sót** do con người gây ra, nâng cao độ chính xác của thông tin tài chính. Cuối cùng, kế toán số, với sự hỗ trợ của công nghệ **AI và Big Data**, giúp doanh nghiệp **tăng khả năng dự báo** các xu hướng tài chính, từ đó tối ưu hóa các chiến lược kinh doanh một cách hiệu quả hơn.

2.3.2. Thách thức

- Chi phí đầu tư ban đầu: Việc triển khai hệ thống công nghệ số như ERP, Cloud, AI,.. đòi hỏi chi phí lớn cho phần mềm, hạ tầng và tư vấn.
- Vấn đề bảo mật: Dữ liệu tài chính cần được bảo vệ khỏi các rủi ro như tấn công mạng, rò rỉ thông tin.
- Đào tạo nhân sự: Theo AICPA (2021), 65% kế toán viên cần đào tạo lại để thích ứng với công nghệ và quy trình mới.

2.4. Các mô hình lý thuyết liên quan

2.4.1. Mô hình TAM (*Technology Acceptance Model*)

Mô hình Chấp nhận Công nghệ (*Technology Acceptance Model* - TAM), được phát triển bởi Fred Davis vào năm 1989, là một trong những lý thuyết có ảnh hưởng sâu rộng nhất trong lĩnh vực hệ thống thông tin, đặc biệt là trong việc giải thích và dự đoán sự chấp nhận và sử dụng công nghệ thông tin của người dùng. Dựa trên Lý thuyết Hành động Hợp lý (*Theory of Reasoned Action* - TRA), TAM tập trung vào việc xác định các yếu tố then chốt ảnh hưởng đến ý định sử dụng một hệ thống công nghệ cụ thể. Mô hình này đã được kiểm chứng và ứng dụng rộng rãi trong nhiều bối cảnh và lĩnh vực khác nhau, cung cấp một khung phân tích mạnh mẽ để hiểu tại sao người dùng chấp nhận hoặc từ chối một công nghệ mới.

TAM đề xuất rằng hai niềm tin chính của người dùng quyết định thái độ của họ đối với việc sử dụng một hệ thống công nghệ, và do đó ảnh hưởng đến ý định và hành vi sử dụng thực tế:

1. *Tính hữu ích cảm nhận (Perceived Usefulness - PU)*: Đây là mức độ mà một cá nhân tin rằng việc sử dụng một hệ thống công nghệ cụ thể sẽ nâng cao hiệu suất công việc của họ. Nói cách khác, người dùng sẽ có xu hướng chấp nhận và sử dụng một công nghệ nếu họ tin rằng nó sẽ giúp họ làm việc hiệu quả hơn, nhanh hơn hoặc dễ dàng hơn. Tính hữu ích cảm nhận chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố bên ngoài (*external variables*) như thiết kế hệ thống, tài liệu hướng dẫn, sự hỗ trợ kỹ thuật và kinh nghiệm trước đó của người dùng.

2. *Tính dễ sử dụng cảm nhận (Perceived Ease of Use - PEOU)*: Đây là mức độ mà một cá nhân tin rằng việc sử dụng một hệ thống công nghệ cụ thể sẽ không đòi hỏi nhiều nỗ lực. Nếu người dùng cảm thấy một hệ thống khó sử dụng, phức tạp hoặc đòi hỏi nhiều thời gian và công sức để làm quen, họ sẽ có xu hướng ít chấp nhận nó hơn, ngay cả khi họ nhận thấy được tính hữu ích của nó. Tương tự như tính hữu ích cảm nhận, tính dễ sử dụng cảm nhận cũng chịu tác động bởi các yếu tố bên ngoài như giao diện người dùng, tính trực quan, tính nhất quán và khả năng học hỏi của hệ thống.

Mối quan hệ giữa các yếu tố trong mô hình TAM có thể được mô tả như sau:

- Các yếu tố bên ngoài (*External Variables*) tác động đến tính hữu ích cảm nhận (PU) và tính dễ sử dụng cảm nhận (PEOU) của người dùng.
- Tính dễ sử dụng cảm nhận (PEOU) có thể trực tiếp tác động đến tính hữu ích cảm nhận (PU). Một hệ thống dễ sử dụng có nhiều khả năng được người dùng đánh

giá là hữu ích hơn vì họ có thể khai thác các chức năng của nó một cách hiệu quả mà không gặp nhiều khó khăn.

- Cả tính hữu ích cảm nhận (PU) và tính dễ sử dụng cảm nhận (PEOU) đều ảnh hưởng đến thái độ đối với việc sử dụng (Attitude Toward Using - A) hệ thống. Thái độ tích cực sẽ dẫn đến ý định sử dụng cao hơn.

- Ý định sử dụng (Behavioral Intention to Use - BI) là yếu tố trung gian trực tiếp dẫn đến hành vi sử dụng thực tế (Actual System Use - AU) của người dùng. Ý định sử dụng thể hiện mức độ sẵn lòng và mong muốn sử dụng hệ thống của người dùng trong tương lai.

Kể từ khi được đề xuất, mô hình TAM đã trải qua nhiều lần mở rộng và điều chỉnh để phù hợp với sự phát triển của công nghệ và hiểu biết sâu sắc hơn về hành vi người dùng. Một trong những phiên bản mở rộng phổ biến nhất là TAM2 (Venkatesh & Davis, 2000), bổ sung thêm các yếu tố xã hội (ví dụ: chuẩn chủ quan, ảnh hưởng xã hội) và các yếu tố liên quan đến quá trình nhận thức (ví dụ: tính liên quan của công việc, chất lượng kết quả) để giải thích rõ hơn về tính hữu ích cảm nhận. Một phiên bản khác là UTAUT (Unified Theory of Acceptance and Use of Technology) (Venkatesh và cộng sự., 2003), tích hợp các yếu tố từ tám mô hình chấp nhận công nghệ khác nhau, bao gồm cả TAM, để cung cấp một khung lý thuyết toàn diện hơn. Mặc dù đã có nhiều mô hình khác được phát triển, TAM vẫn giữ vững vị thế là một công cụ mạnh mẽ và được sử dụng rộng rãi trong nghiên cứu và thực tiễn. Nó cung cấp một nền tảng lý thuyết vững chắc để các nhà nghiên cứu và các nhà phát triển hệ thống hiểu rõ hơn về các yếu tố quyết định sự thành công của việc triển khai công nghệ mới. Bằng cách tập trung vào tính hữu ích và tính dễ sử dụng cảm nhận, các nhà phát triển có thể thiết kế các hệ thống thân thiện với người dùng và mang lại giá trị thực tế, từ đó tăng cường khả năng chấp nhận và sử dụng công nghệ của người dùng. Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, việc hiểu và ứng dụng mô hình TAM càng trở nên quan trọng để đảm bảo sự thành công của các sáng kiến công nghệ và khai thác tối đa tiềm năng của chúng.

2.4.2. Mô hình TOE (*Technology - Organization - Environment*)

Mô hình TOE (Technology - Organization - Environment), được giới thiệu bởi Tornatzky và Fleischer vào năm 1990, là một khung lý thuyết cấp độ tổ chức mạnh mẽ, được sử dụng rộng rãi để giải thích quá trình chấp nhận và triển khai các đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp. Khác với mô hình TAM tập trung vào nhận thức cá nhân của người dùng, mô hình TOE tiếp cận sự chấp nhận công nghệ từ góc độ của tổ

chức, xem xét ba bối cảnh chính ảnh hưởng đến quyết định áp dụng công nghệ mới: *bối cảnh công nghệ (Technology context)*, *bối cảnh tổ chức (Organization context)*, và *bối cảnh môi trường (Environment context)*.

1. *Bối cảnh công nghệ (Technology context)*: Bối cảnh này mô tả các đặc điểm của công nghệ hiện có và những công nghệ mới có thể được tổ chức xem xét để áp dụng. Nó bao gồm các yếu tố như:

- *Tính tương thích (Compatibility)*: Mức độ mà công nghệ mới có thể tích hợp và làm việc hiệu quả với các hệ thống, quy trình và cơ sở hạ tầng hiện có của tổ chức. Công nghệ càng tương thích, khả năng chấp nhận thường càng cao do giảm thiểu sự gián đoạn và chi phí tích hợp.

- *Độ phức tạp (Complexity)*: Mức độ khó khăn trong việc hiểu, sử dụng và triển khai công nghệ mới. Công nghệ càng phức tạp, tổ chức có thể càng ngần ngại chấp nhận do yêu cầu cao hơn về kiến thức, kỹ năng và nguồn lực.

- *Lợi thế tương đối (Relative Advantage)*: Mức độ mà công nghệ mới được nhận thức là vượt trội hơn so với các giải pháp hiện tại về mặt hiệu quả, chi phí, năng suất hoặc các lợi ích khác. Lợi thế tương đối càng lớn, động lực chấp nhận càng mạnh mẽ.

- *Khả năng thử nghiệm (Trialability)*: Mức độ mà tổ chức có thể thử nghiệm công nghệ mới trên quy mô nhỏ trước khi đưa ra quyết định triển khai toàn diện. Khả năng thử nghiệm giúp giảm thiểu rủi ro và tăng cường sự tin tưởng vào công nghệ.

- *Khả năng quan sát (Observability)*: Mức độ mà lợi ích và kết quả của việc sử dụng công nghệ mới có thể được nhìn thấy và truyền đạt cho những người khác trong tổ chức. Sự quan sát được có thể ảnh hưởng tích cực đến quá trình chấp nhận.

2. *Bối cảnh tổ chức (Organization context)*: Bối cảnh này đề cập đến các đặc điểm và nguồn lực bên trong của tổ chức có thể ảnh hưởng đến quyết định chấp nhận công nghệ. Các yếu tố quan trọng bao gồm:

- *Quy mô tổ chức (Organization Size)*: Các tổ chức lớn hơn thường có nhiều nguồn lực hơn để đầu tư vào công nghệ mới và có thể chấp nhận rủi ro cao hơn so với các tổ chức nhỏ.

- *Cấu trúc tổ chức (Organizational Structure)*: Một cấu trúc linh hoạt và phi tập trung có thể tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc chấp nhận các đổi mới công nghệ so với một cấu trúc cứng nhắc và tập trung.

- *Văn hóa tổ chức (Organizational Culture)*: Một văn hóa khuyến khích sự đổi mới, học hỏi và chấp nhận rủi ro thường dễ dàng tiếp nhận công nghệ mới hơn.

- *Nguồn lực (Resources)*: Bao gồm nguồn lực tài chính, nguồn nhân lực có kỹ năng, và cơ sở hạ tầng công nghệ hiện có. Sự sẵn có của các nguồn lực này đóng vai trò quan trọng trong khả năng chấp nhận và triển khai công nghệ mới.

- *Khả năng hấp thụ (Absorptive Capacity)*: Khả năng của tổ chức trong việc nhận diện, đồng hóa và khai thác kiến thức mới, bao gồm cả kiến thức về công nghệ. Khả năng hấp thụ cao tạo điều kiện thuận lợi cho việc chấp nhận công nghệ phức tạp.

- *Sự hỗ trợ của quản lý cấp cao (Top Management Support)*: Sự ủng hộ và cam kết của lãnh đạo là yếu tố then chốt trong việc thúc đẩy quá trình chấp nhận và triển khai công nghệ mới trong toàn tổ chức.

3. *Bối cảnh môi trường (Environment context)*: Bối cảnh này bao gồm các yếu tố bên ngoài tổ chức có thể tác động đến quyết định chấp nhận công nghệ. Các yếu tố này bao gồm:

- *Áp lực cạnh tranh (Competitive Pressure)*: Sự cạnh tranh gay gắt trong ngành có thể buộc các tổ chức phải áp dụng công nghệ mới để duy trì lợi thế cạnh tranh hoặc không bị tụt hậu.

- *Áp lực từ các đối tác (Partner Pressure)*: Yêu cầu hoặc khuyến khích từ các đối tác kinh doanh, nhà cung cấp hoặc khách hàng có thể ảnh hưởng đến quyết định chấp nhận công nghệ.

- *Áp lực từ chính phủ và quy định (Government Regulations)*: Các quy định của chính phủ hoặc các tiêu chuẩn ngành có thể thúc đẩy hoặc cản trở việc áp dụng một số công nghệ nhất định.

- *Sự sẵn có của cơ sở hạ tầng hỗ trợ (Availability of Supporting Infrastructure)*: Sự phát triển của cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông, cũng như sự sẵn có của các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc chấp nhận công nghệ mới.

- *Xu hướng công nghệ (Technological Trends)*: Nhận thức về các xu hướng công nghệ mới nổi và tiềm năng của chúng có thể ảnh hưởng đến quyết định đầu tư và chấp nhận công nghệ của tổ chức.

Mô hình TOE cung cấp một cái nhìn toàn diện về các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chấp nhận công nghệ ở cấp độ tổ chức. Nó đã được ứng dụng rộng rãi trong

nhiều nghiên cứu để phân tích việc áp dụng các loại hình công nghệ khác nhau, từ hệ thống thông tin quản lý, thương mại điện tử, đến điện toán đám mây và các công nghệ mới nổi khác. Bằng cách xem xét đồng thời các yếu tố thuộc về công nghệ, tổ chức và môi trường, các nhà nghiên cứu và các nhà quản lý có thể hiểu rõ hơn về động lực và rào cản trong quá trình chấp nhận công nghệ, từ đó đưa ra các quyết định phù hợp và xây dựng các chiến lược triển khai hiệu quả.

2.4.3. Mô hình DOI (*Diffusion of Innovations*)

Mô hình Lan tỏa Đổi mới (*Diffusion of Innovations* - DOI), được phát triển bởi Everett Rogers và lần đầu tiên được giới thiệu trong cuốn sách cùng tên vào năm 1962, là một lý thuyết xã hội học kinh điển nhằm giải thích cách thức và lý do tại sao các ý tưởng và công nghệ mới (đổi mới) được lan tỏa và chấp nhận trong một xã hội, một nền văn hóa hoặc một nhóm người theo thời gian. DOI không chỉ tập trung vào bản chất của sự đổi mới mà còn xem xét các đặc điểm của những người chấp nhận và quá trình truyền thông xã hội đóng vai trò quan trọng trong sự lan tỏa này.

Mô hình DOI đề xuất rằng quá trình chấp nhận một đổi mới diễn ra theo một đường cong hình chữ S (S-shaped curve) theo thời gian, và các cá nhân trong một hệ thống xã hội được phân loại thành năm nhóm dựa trên thời điểm họ chấp nhận sự đổi mới:

1. *Nhóm tiên phong (Innovators)*: Đây là nhóm nhỏ (khoảng 2.5%) những người đầu tiên chấp nhận một đổi mới. Họ là những người mạo hiểm, thích thử nghiệm những ý tưởng mới, có kiến thức chuyên môn cao và thường có mối liên hệ rộng rãi với các nguồn thông tin bên ngoài hệ thống xã hội của họ. Họ đóng vai trò quan trọng trong việc giới thiệu sự đổi mới vào hệ thống.

2. *Nhóm chấp nhận sớm (Early Adopters)*: Nhóm này chiếm khoảng 13.5% dân số và thường là những người có tầm ảnh hưởng trong cộng đồng. Họ tôn trọng và được những người khác tìm đến để xin ý kiến về các đổi mới. Mặc dù không phải là người đầu tiên, họ chấp nhận sự đổi mới tương đối sớm và đóng vai trò quan trọng trong việc tạo dựng niềm tin và sự chấp nhận cho những người khác.

3. *Nhóm đa số sớm (Early Majority)*: Nhóm này chiếm khoảng 34% dân số và có xu hướng thận trọng hơn nhóm chấp nhận sớm. Họ thường chờ đợi để thấy được những lợi ích thực tế và sự thành công của đổi mới từ những người đi trước trước khi

quyết định chấp nhận. Ý kiến của nhóm chấp nhận sớm có ảnh hưởng lớn đến quyết định của nhóm này.

4. *Nhóm đa số muộn (Late Majority)*: Nhóm này cũng chiếm khoảng 34% dân số và có thái độ hoài nghi hơn đối với sự đổi mới. Họ thường chấp nhận đổi mới do áp lực xã hội hoặc khi nó đã trở thành tiêu chuẩn chung và họ không còn nhiều lựa chọn khác. Họ có thể thiếu nguồn lực hoặc sự tự tin để thử nghiệm những điều mới mẻ.

5. *Nhóm lạc hậu (Laggards)*: Đây là nhóm cuối cùng chấp nhận sự đổi mới (khoảng 16% dân số). Họ thường bảo thủ, chống lại sự thay đổi và có xu hướng dựa vào các phương pháp truyền thống. Họ có thể chấp nhận đổi mới chỉ khi nó đã trở nên hoàn toàn phổ biến và các lựa chọn thay thế không còn tồn tại.

Mô hình DOI cũng xác định ***năm đặc điểm chính của một đổi mới*** ảnh hưởng đến tỷ lệ chấp nhận của nó:

1. *Lợi thế tương đối (Relative Advantage)*: Mức độ mà một đổi mới được nhận thức là tốt hơn so với các ý tưởng hoặc sản phẩm hiện có. Lợi thế tương đối càng lớn (ví dụ: về mặt kinh tế, tiện lợi, uy tín), tỷ lệ chấp nhận thường càng cao.

2. *Tính tương thích (Compatibility)*: Mức độ mà một đổi mới phù hợp với các giá trị, kinh nghiệm trước đây và nhu cầu của những người chấp nhận tiềm năng. Một đổi mới càng tương thích với hệ thống hiện có, nó càng dễ được chấp nhận.

3. *Độ phức tạp (Complexity)*: Mức độ khó khăn trong việc hiểu và sử dụng một đổi mới. Đổi mới càng đơn giản và dễ hiểu, tỷ lệ chấp nhận thường càng cao.

4. *Khả năng thử nghiệm (Trialability)*: Mức độ mà một đổi mới có thể được thử nghiệm trên quy mô nhỏ trước khi quyết định chấp nhận hoàn toàn. Khả năng thử nghiệm giúp giảm thiểu rủi ro nhận thức và tăng cường sự tin tưởng.

5. *Khả năng quan sát (Observability)*: Mức độ mà kết quả và lợi ích của việc sử dụng một đổi mới có thể được nhìn thấy và truyền đạt cho những người khác. Sự quan sát được rõ ràng có thể thúc đẩy quá trình chấp nhận.

Ngoài ra, mô hình DOI cũng nhấn mạnh vai trò của các kênh truyền thông trong quá trình lan tỏa đổi mới. Thông tin về đổi mới có thể được truyền đạt qua các kênh đại chúng (ví dụ: truyền hình, báo chí) hoặc các kênh liên cá nhân (ví dụ: giao tiếp giữa bạn bè, đồng nghiệp). Các kênh liên cá nhân thường hiệu quả hơn trong việc thuyết phục và thay đổi thái độ đối với một đổi mới.

2.5. Các mức độ của chuyển đổi số trong hệ thống kế toán

Chuyển đổi số trong kế toán không chỉ liên quan đến việc áp dụng công nghệ mà còn đụng chạm đến nhiều khía cạnh như cấu trúc tổ chức, văn hóa công ty, và các yếu tố tác động từ môi trường bên ngoài. Theo mô hình TOE (Technology - Organization - Environment) của Tornatzky và Fleischer (1990), ba nhóm yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi số này là: công nghệ, tổ chức và môi trường. Dưới đây là các yếu tố tác động cụ thể khi áp dụng vào lĩnh vực kế toán:

2.5.1. Yếu tố công nghệ

Yếu tố công nghệ đóng vai trò nền tảng trong việc thực hiện chuyển đổi số, vì nó tạo ra cơ sở hạ tầng và phương thức vận hành mới cho các công việc kế toán. Khả năng tiếp nhận công nghệ phụ thuộc vào sự phù hợp của các công nghệ với quy mô và nhu cầu riêng của tổ chức (Oliveira & Martins, 2011). Các yếu tố công nghệ quan trọng bao gồm:

- *Khả năng tích hợp và tương thích của phần mềm kế toán:* Các hệ thống kế toán cần được tích hợp với các phần mềm và hệ thống khác trong công ty như ERP, kho hàng, quản lý nhân sự, và ngân hàng để dữ liệu có thể được đồng bộ và khai thác tối đa. Ví dụ, việc sử dụng phần mềm kế toán không tương thích với các hệ thống hóa đơn điện tử có thể gây khó khăn trong việc xử lý thuế và làm tăng khả năng sai lệch báo cáo tài chính.

- *Tính bảo mật và độ tin cậy của phần mềm:* Với tình trạng tấn công mạng ngày càng gia tăng, các hệ thống kế toán cần đảm bảo được bảo vệ dữ liệu hiệu quả, bao gồm mã hóa, phân quyền người dùng, và khả năng ngăn chặn xâm nhập. Một báo cáo của IBM Security (2022) chỉ ra rằng, có đến 20% các vụ rò rỉ thông tin đến từ các lỗ hổng trong hệ thống kế toán.

- *Khả năng mở rộng và cập nhật:* Công nghệ phải có khả năng phát triển theo thời gian và đáp ứng các yêu cầu thay đổi về quy mô hoặc luật pháp mới. Ví dụ, doanh nghiệp cần cập nhật phần mềm kế toán để tuân thủ các quy định của Thông tư 133/2016/TT-BTC và Thông tư 200/2014/TT-BTC.

2.5.2. Yếu tố tổ chức

Các yếu tố tổ chức phản ánh mức độ sẵn sàng của nội bộ doanh nghiệp trong việc áp dụng và duy trì chuyển đổi số. Công nghệ chỉ là công cụ, và sự thành công của

chuyển đổi số phụ thuộc vào chiến lược và con người trong tổ chức. Các yếu tố tổ chức bao gồm:

- *Cam kết của lãnh đạo*: Sự ủng hộ mạnh mẽ từ lãnh đạo là yếu tố then chốt giúp doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số một cách hiệu quả. Nếu ban lãnh đạo coi kế toán chỉ là một bộ phận hỗ trợ, việc đầu tư vào công nghệ mới có thể gặp nhiều khó khăn.

- *Trình độ công nghệ của đội ngũ kế toán*: Để có thể áp dụng hiệu quả công nghệ, đội ngũ kế toán cần được trang bị kỹ năng về công nghệ, phần mềm và bảo mật. Theo khảo sát của ICAEW (2021), 42% kế toán viên cho biết họ gặp khó khăn khi phải làm quen với công nghệ mới nếu không được đào tạo bài bản.

- *Văn hóa tổ chức và khả năng đổi mới*: Các doanh nghiệp có văn hóa linh hoạt, chấp nhận thay đổi và sáng tạo sẽ dễ dàng triển khai chuyển đổi số hơn. Ví dụ, các công ty start-up thường có khả năng thích ứng nhanh với phần mềm kế toán mới mẻ hơn so với các công ty nhà nước có thói quen xử lý công việc thủ công.

2.5.3. Yếu tố môi trường

Yếu tố môi trường bao gồm các yếu tố bên ngoài doanh nghiệp có thể tác động mạnh mẽ đến quyết định chuyển đổi số. Những yếu tố này bao gồm:

- *Chính sách và quy định pháp luật*: Chính phủ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy chuyển đổi số bằng các chính sách, quy định bắt buộc và hỗ trợ tài chính. Ví dụ, việc bắt buộc áp dụng hóa đơn điện tử từ ngày 01/07/2022 theo Thông tư 78/2021/TT-BTC đã tạo áp lực buộc doanh nghiệp đầu tư vào hệ thống kế toán số.

- *Áp lực từ thị trường và cạnh tranh*: Các doanh nghiệp tiên phong trong chuyển đổi số có thể giảm chi phí và tăng hiệu suất làm việc. Các doanh nghiệp khác sẽ phải thay đổi để không bị tụt lại phía sau. Ví dụ, các công ty thương mại điện tử như Tiki, Shopee, và Lazada đã tích hợp hệ thống kế toán tự động với kho hàng và bán hàng để đảm bảo khả năng giao dịch nhanh chóng và chính xác.

- *Kỳ vọng của khách hàng và đối tác*: Các nhà đầu tư và đối tác thường xuyên đòi hỏi tính minh bạch và sự chính xác trong báo cáo tài chính. Điều này thúc đẩy các doanh nghiệp cần nâng cấp hệ thống kế toán số để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế như IFRS và các yêu cầu báo cáo tài chính đúng hạn.

CHƯƠNG 3 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Quy trình nghiên cứu

Bước 1: Xác định vấn đề và mục tiêu nghiên cứu

Thông qua việc quan sát thực tiễn tại một số doanh nghiệp thương mại và tổng quan tài liệu nghiên cứu trước đó, tác giả nhận thấy việc chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán đang là xu thế tất yếu. Tuy nhiên, quá trình này còn nhiều hạn chế và thách thức, đặc biệt tại các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ. Từ đó, nghiên cứu đặt ra mục tiêu: đánh giá tác động của chuyển đổi số đến hệ thống kế toán và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả triển khai trong doanh nghiệp thương mại.

Bước 2: Xây dựng cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

Tác giả tiến hành nghiên cứu các lý thuyết nền tảng liên quan đến kế toán số, chuyển đổi số, hệ thống thông tin kế toán, và mô hình áp dụng công nghệ trong doanh nghiệp. Dựa vào đó, xây dựng khung phân tích tác động của chuyển đổi số đến các khía cạnh như: quy trình kế toán, hiệu quả công việc, chi phí - thời gian, chất lượng báo cáo tài chính và khả năng thích ứng của nguồn nhân lực.

Bước 3: Thiết kế phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo hướng kết hợp phương pháp định tính, cụ thể là nghiên cứu tình huống (case study)

Phương pháp định tính được dùng để khai thác sâu chiều sâu vấn đề, thông qua phỏng vấn và nghiên cứu tình huống.

Bước 4: Thu thập dữ liệu thực tế

Dữ liệu được thu thập từ hai nguồn chính:

Dữ liệu sơ cấp: Từ khảo sát và phỏng vấn nhân sự tại hai doanh nghiệp thương mại.

Dữ liệu thứ cấp: Từ báo cáo tài chính, hồ sơ doanh nghiệp, tài liệu pháp luật, nghiên cứu học thuật trước đó.

Bước 5: Phân tích và xử lý dữ liệu

Sử dụng phần mềm Excel và phương pháp phân tích nội dung (content analysis) để xử lý và rút ra thông tin từ dữ liệu thu thập được.

Bước 6: Rút ra kết luận và đề xuất giải pháp

Từ kết quả phân tích, tác giả đưa ra nhận định về tác động của chuyển đổi số đến hoạt động kế toán tại doanh nghiệp, chỉ ra những hạn chế, thách thức và đề xuất giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả trong tương lai

3.2 Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu khoa học là hệ thống các nguyên tắc, quy trình và kỹ thuật được sử dụng để thu thập, xử lý, phân tích và giải thích thông tin, nhờ đó giúp nhà nghiên cứu khám phá bản chất và quy luật vận động của sự vật, hiện tượng (Nguyễn Đình Hương, 2009). Trong lĩnh vực kế toán - tài chính, việc lựa chọn và áp dụng phương pháp nghiên cứu phù hợp giúp đảm bảo tính khoa học, độ tin cậy và khả năng ứng dụng của kết quả.

Phương pháp nghiên cứu định tính (qualitative methods): Tập trung mô tả, phân tích và lý giải hiện tượng xã hội trong bối cảnh cụ thể, thường sử dụng các kỹ thuật như quan sát, phỏng vấn, phân tích tài liệu.

Trong khuôn khổ nghiên cứu này, phương pháp nghiên cứu định tính được lựa chọn nhằm khai thác sâu sắc các hiện tượng chuyển đổi số trong hệ thống kế toán doanh nghiệp thương mại. Phương pháp định tính cho phép khám phá bản chất của các hành vi tổ chức, thái độ của nhân sự và các yếu tố phi định lượng ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi số, điều mà phương pháp định lượng khó có thể phản ánh đầy đủ (Creswell, 2013).

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp là: nghiên cứu tại bàn, nghiên cứu tình huống (case study) kết hợp phỏng vấn bán cấu trúc (semi-structured interviews), qua đó khai thác quan điểm, kinh nghiệm thực tiễn từ các chuyên gia, nhà quản lý và nhân sự kế toán trong doanh nghiệp được chọn nghiên cứu. Phân tích dữ liệu được thực hiện theo phương pháp phân tích nội dung (content analysis) và mã hóa theo chủ đề (thematic coding) nhằm đảm bảo tính hệ thống và khách quan trong diễn giải kết quả.

3.2.1. Phương pháp nghiên cứu định tính

Theo Strauss & Corbin (1990), phương pháp định tính cho phép khám phá sâu sắc các hiện tượng chưa được hiểu rõ hoặc còn mới mẻ, đồng thời hỗ trợ hình thành giả thuyết và mô hình nghiên cứu. Trong đề tài này, phương pháp định tính có vai trò:

Làm rõ bối cảnh chuyển đổi số trong từng doanh nghiệp thương mại.

Hiểu rõ cảm nhận, đánh giá và phản ứng của nhân sự kế toán đối với sự thay đổi công nghệ.

Phân tích sâu các yếu tố tác động không thể lượng hóa như: văn hóa tổ chức, nhận thức về chuyển đổi số, hoặc sự hỗ trợ của lãnh đạo.

3.2.1.1. Phương pháp nghiên cứu tại bàn

Phương pháp nghiên cứu tại bàn, còn gọi là nghiên cứu tài liệu thứ cấp, là một trong những kỹ thuật cơ bản thuộc phương pháp nghiên cứu định tính, được sử dụng phổ biến trong các nghiên cứu khoa học xã hội và quản trị - kinh tế. Theo Saunders và cộng sự. (2016), nghiên cứu tại bàn là quá trình thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin từ các nguồn dữ liệu đã có sẵn nhằm xây dựng nền tảng lý thuyết, hiểu rõ bối cảnh vấn đề và xác định khoảng trống nghiên cứu.

a. Mục tiêu của phương pháp

Trong khuôn khổ đề tài “*Tác động của chuyển đổi số trong hệ thống kế toán - Nghiên cứu điển hình tại doanh nghiệp thương mại*”, việc sử dụng phương pháp nghiên cứu tại bàn giúp đạt được các mục tiêu sau:

- Xây dựng cơ sở lý luận liên quan đến chuyển đổi số, kế toán số, hệ thống ERP, trí tuệ nhân tạo trong kế toán, và hiệu quả hệ thống kế toán.

- Khảo sát thực tiễn triển khai chuyển đổi số trong ngành kế toán tại Việt Nam thông qua báo cáo ngành, tài liệu doanh nghiệp, và các nghiên cứu trước.

Làm rõ xu hướng và thách thức của kế toán số trong môi trường doanh nghiệp hiện đại.

Định hướng xây dựng khung phân tích cho nghiên cứu định tính và định lượng.

b. Nguồn tài liệu sử dụng

Các tài liệu được sử dụng trong nghiên cứu tại bàn bao gồm:

Tài liệu học thuật: giáo trình, luận văn, bài báo khoa học trong và ngoài nước liên quan đến chuyển đổi số, kế toán, và hệ thống thông tin doanh nghiệp.

Văn bản pháp lý: như Luật Kế toán, Luật Doanh nghiệp, Thông tư 200/2014/TT-BTC, các hướng dẫn của Bộ Tài chính về quản lý dữ liệu số và hệ thống kế toán điện tử.

Báo cáo thực tiễn: báo cáo của các tổ chức như Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, VCCI, và các công ty kiểm toán lớn (Deloitte, EY, KPMG, PwC) liên quan đến chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính - kế toán.

Nguồn thông tin doanh nghiệp: bao gồm website chính thức, báo cáo thường niên, tài liệu nội bộ được cung cấp bởi hai doanh nghiệp nghiên cứu điển hình.

c. Phương pháp phân tích

Sau khi thu thập dữ liệu thứ cấp, các thông tin sẽ được phân loại, mã hóa theo chủ đề (thematic coding), sắp xếp theo nhóm nội dung như:

Tổng quan chuyển đổi số trong kế toán;

Khái niệm về chuyển đổi số và kế toán số;

Các yếu tố của chuyển đổi số trong hệ thống kế toán;

Ứng dụng chuyển đổi số trong hệ thống kế toán ngày nay;

Lợi ích và thách thức của chuyển đổi số trong kế toán;

Các mô hình lý thuyết liên quan;

Các nhân tố tác động đến chuyển đổi số trong hệ thống kế toán.

Phân tích nội dung giúp rút ra các nhận định ban đầu, phát hiện xu hướng, xác định khoảng trống nghiên cứu và phục vụ cho việc thiết kế bảng hỏi khảo sát cũng như xây dựng câu hỏi phỏng vấn bán cấu trúc trong phần nghiên cứu định tính.

d. Ưu điểm và hạn chế

Ưu điểm	Hạn chế
Tiết kiệm thời gian và chi phí thu thập dữ liệu	Phụ thuộc vào độ tin cậy và tính cập nhật của tài liệu
Có thể tiếp cận nhiều góc nhìn khác nhau về vấn đề	Dữ liệu thứ cấp có thể không hoàn toàn phù hợp với mục tiêu nghiên cứu cụ thể
Là nền tảng cho các phương pháp định tính và định lượng khác	Có thể bị trùng lặp hoặc thiên lệch nếu không kiểm định nguồn thông tin kỹ lưỡng

3.2.1.2. Phương pháp nghiên cứu tình huống

a. Khái niệm

Nghiên cứu tình huống là một phương pháp định tính được sử dụng phổ biến trong các ngành khoa học xã hội và quản trị kinh doanh. Theo Robert K. Yin (2014), nghiên cứu tình huống là một chiến lược nghiên cứu giúp khám phá, phân tích sâu một hiện tượng trong bối cảnh thực tế của nó, đặc biệt khi ranh giới giữa hiện tượng và bối cảnh không rõ ràng. Phương pháp này phù hợp khi nhà nghiên cứu muốn trả lời các câu hỏi “tại sao” và “như thế nào” liên quan đến sự kiện hoặc quy trình đang diễn ra.

Theo Yin (2009), nghiên cứu tình huống là phương pháp phân tích sâu một hoặc một số đơn vị cụ thể (cá nhân, tổ chức, chương trình), nhằm tìm hiểu hiện tượng

trong bối cảnh thực tế. Phương pháp này phù hợp với các đề tài nghiên cứu thực tiễn như trường hợp chuyển đổi số tại doanh nghiệp.

Trong nghiên cứu này, tình huống nghiên cứu được xây dựng xoay quanh quá trình chuyển đổi số hệ thống kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Mai Thị, một doanh nghiệp thương mại bán lẻ quy mô vừa, đang ứng dụng phần mềm kế toán số hóa (MISA) tích hợp với hệ thống hóa đơn điện tử và quản lý kho.

b. Lý do lựa chọn tình huống nghiên cứu

Việc lựa chọn Công ty cổ phần đầu tư thương mại Mai Thị làm đối tượng nghiên cứu tình huống dựa trên ba lý do chính. Thứ nhất, doanh nghiệp đang ở giai đoạn chuyển đổi số thực chất, với hệ thống kế toán đã số hóa ở mức độ cao, nhưng đồng thời vẫn đối mặt với các thách thức phổ biến như rào cản nhân sự và giới hạn công nghệ. Thứ hai, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp đòi hỏi xử lý khối lượng lớn giao dịch tài chính, hóa đơn và tồn kho, là môi trường lý tưởng để khảo sát tác động của số hóa kế toán. Thứ ba, ban lãnh đạo và nhân sự doanh nghiệp thể hiện sự sẵn sàng tham gia nghiên cứu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập dữ liệu chuyên sâu.

c. Đối tượng nghiên cứu

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Mai Thị, một doanh nghiệp thương mại bán lẻ quy mô vừa, đang ứng dụng phần mềm kế toán số hóa (MISA) tích hợp với hệ thống hóa đơn điện tử và quản lý kho.

Việc lựa chọn tình huống này nhằm làm rõ tác động của chuyển đổi số trong điều kiện triển khai khác nhau, từ đó tăng tính khái quát và tính thực tiễn của nghiên cứu.

d. Quy trình thực hiện nghiên cứu tình huống

Nghiên cứu tình huống được triển khai theo các bước:

Lựa chọn tình huống: Dựa vào tiêu chí có sự chuyển đổi về công nghệ trong hệ thống kế toán, đại diện cho hai mức độ ứng dụng chuyển đổi số khác nhau.

Thu thập dữ liệu: Kết hợp phỏng vấn bán cấu trúc với cán bộ kế toán, quản lý CNTT và lãnh đạo; đồng thời thu thập tài liệu nội bộ như quy trình kế toán, báo cáo tài chính, hồ sơ triển khai phần mềm.

Phân tích nội dung: Mã hóa thông tin, phân nhóm theo chủ đề (ví dụ: thay đổi quy trình, mức độ hài lòng nhân viên, hiệu quả tài chính, khó khăn trong triển khai...).

So sánh và tổng hợp: Đối chiếu kết quả giữa hai doanh nghiệp để xác định điểm tương đồng và khác biệt

Rút ra bài học kinh nghiệm: Làm cơ sở để đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả chuyển đổi số trong kế toán.

e. Ưu điểm và hạn chế

Ưu điểm	Hạn chế
Phản ánh chi tiết bối cảnh thực tế và mối liên hệ giữa các yếu tố trong doanh nghiệp	Kết quả khó khái quát rộng nếu chỉ nghiên cứu số lượng nhỏ tình huống
Giúp khám phá nguyên nhân sâu xa của vấn đề và hành vi tổ chức	Phụ thuộc vào độ sẵn sàng và minh bạch của doanh nghiệp cung cấp dữ liệu
Tạo cơ sở thực tiễn rõ ràng cho đề xuất giải pháp	Có thể bị chủ quan nếu không kiểm chứng đa chiều thông tin

3.2.1.3. Phương pháp phỏng vấn

a. Khái quát về phương pháp phỏng vấn

Phỏng vấn là một phương pháp thu thập dữ liệu định tính thông qua quá trình trao đổi trực tiếp giữa nhà nghiên cứu và người cung cấp thông tin. Theo Kvale & Brinkmann (2009), phỏng vấn trong nghiên cứu khoa học là một công cụ hữu ích để tìm hiểu sâu các quan điểm, kinh nghiệm, thái độ và cảm nhận của người tham gia về một vấn đề cụ thể trong bối cảnh thực tế.

Phỏng vấn đặc biệt phù hợp với nghiên cứu mang tính khám phá hoặc khi nhà nghiên cứu cần làm rõ những dữ liệu khó thu thập thông qua khảo sát định lượng. Trong đề tài này, phỏng vấn giúp tìm hiểu quá trình và tác động cụ thể của chuyển đổi số trong hệ thống kế toán tại từng doanh nghiệp thương mại.

Phỏng vấn bán cấu trúc (Semi-structured Interview)

Phỏng vấn bán cấu trúc là hình thức kết hợp giữa câu hỏi định hướng và khả năng trả lời mở, linh hoạt theo dòng chảy cuộc trò chuyện. Phương pháp này được sử dụng rộng rãi trong nghiên cứu xã hội để khai thác quan điểm và kinh nghiệm từ các chuyên gia và người trong cuộc.

Trong đề tài, nhóm tác giả phỏng vấn các vị trí như:

Kế toán trưởng và nhân viên kế toán - người trực tiếp sử dụng phần mềm kế toán số.

Cán bộ phụ trách triển khai hệ thống ERP.

Quản lý cấp trung để nắm bắt góc nhìn về chi phí, hiệu quả và rủi ro của quá trình chuyển đổi.

Phòng vấn giúp làm sáng tỏ các yếu tố không dễ đo lường như tâm lý người lao động, mức độ sẵn sàng công nghệ, hoặc nhận thức về thay đổi quy trình.

b. Hình thức phỏng vấn sử dụng

Nghiên cứu sử dụng phỏng vấn bán cấu trúc (semi-structured interview), một hình thức linh hoạt, kết hợp giữa các câu hỏi được chuẩn bị trước và phần mở rộng theo hướng đi của người được hỏi. Hình thức này cho phép người tham gia chia sẻ sâu hơn về kinh nghiệm thực tiễn, đồng thời vẫn đảm bảo sự thống nhất chủ đề giữa các cuộc phỏng vấn.

c. Đối tượng và tiêu chí lựa chọn người phỏng vấn

Các đối tượng được lựa chọn để phỏng vấn gồm:

Kế toán trưởng hoặc nhân sự kế toán phụ trách hệ thống chuyển đổi số.

Nhân viên kế toán trực tiếp sử dụng phần mềm kế toán số hoặc ERP.

Nhân viên kỹ thuật hoặc quản lý công nghệ thông tin có liên quan đến hệ thống kế toán số (nếu có).

Người quản lý cấp trung hoặc lãnh đạo có tham gia quyết định triển khai chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

Tiêu chí lựa chọn gồm:

Có thời gian làm việc tại doanh nghiệp ít nhất từ 1 năm trở lên.

Có kiến thức hoặc trải nghiệm thực tế liên quan đến quá trình chuyển đổi số trong kế toán.

Sẵn sàng chia sẻ thông tin một cách khách quan và thiện chí.

d. Thiết kế bảng phỏng vấn chuyên gia

Để thu thập thông tin sâu sắc và đa chiều, bảng câu hỏi phỏng vấn bán cấu trúc được thiết kế dựa trên khung phân tích về các yếu tố ảnh hưởng đến chuyển đổi số trong kế toán doanh nghiệp. Các chủ đề chính của bảng phỏng vấn bao gồm: động lực chuyển đổi số, quá trình triển khai, tác động đến hệ thống kế toán, thách thức gặp phải và triển vọng phát triển.

Bảng câu hỏi được thiết kế với các dạng câu hỏi mở, cho phép người tham gia trình bày quan điểm cá nhân, mô tả trải nghiệm và phân tích các yếu tố tác động, thay vì trả lời theo khuôn mẫu cứng nhắc.

Bảng câu hỏi được nhóm nghiên cứu xây dựng, bao gồm các nội dung:

Câu hỏi	Nội dung
Về động lực chuyển đổi số	- Theo ông/bà, những yếu tố nào thúc đẩy doanh nghiệp quyết định triển khai chuyển đổi số trong hệ thống kế toán? - Các mục tiêu ban đầu của quá trình số hóa hệ thống kế toán là gì?
Về quá trình triển khai chuyển đổi số	- Ông/bà có thể mô tả ngắn gọn quá trình triển khai phần mềm kế toán số hóa tại doanh nghiệp? - Những khó khăn lớn nhất mà doanh nghiệp gặp phải trong quá trình triển khai là gì?
Về tác động đến hệ thống kế toán	- Chuyển đổi số đã làm thay đổi như thế nào đối với các quy trình kế toán truyền thống tại doanh nghiệp? - Những lợi ích nổi bật mà doanh nghiệp nhận được sau khi số hóa hệ thống kế toán là gì?
Về thách thức và hạn chế	- Theo ông/bà, những rào cản nào đang cản trở hiệu quả chuyển đổi số trong kế toán tại doanh nghiệp? - Có những rủi ro nào về bảo mật, chi phí, hoặc khả năng vận hành mà doanh nghiệp cần lưu ý?
Về triển vọng tương lai	- Doanh nghiệp có kế hoạch gì trong việc nâng cao hoặc mở rộng ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực kế toán trong 2–3 năm tới? - Theo ông/bà, các xu hướng công nghệ nào (ví dụ như AI, blockchain, điện toán đám mây) sẽ ảnh hưởng mạnh mẽ đến kế toán doanh nghiệp trong tương lai?

Hình thức phỏng vấn: Chủ yếu thực hiện trực tiếp (offline), một số trường hợp thực hiện online (qua Zoom/Google Meet) nếu có yêu cầu từ phía doanh nghiệp.

Ghi âm và ghi chép: Tất cả các cuộc phỏng vấn (với sự đồng ý của người tham gia) được ghi âm để phục vụ cho quá trình mã hóa và phân tích dữ liệu sau này.

Thời lượng phỏng vấn: Mỗi buổi phỏng vấn kéo dài từ 25–40 phút, tùy vào mức độ chia sẻ và phản hồi của người tham gia.

e. Phân tích dữ liệu phỏng vấn

Dữ liệu phỏng vấn được xử lý theo quy trình như sau:

Ghi âm và phiên mã (transcription): Chuyển nội dung từ ghi âm sang văn bản.

Mã hóa dữ liệu: Phân loại thông tin theo các chủ đề chính (coding theo chủ đề).

Phân tích nội dung (content analysis): Rút ra các ý nghĩa, mối liên hệ và xu hướng thông tin.

Đối chiếu và kiểm chứng: So sánh giữa các đối tượng phỏng vấn để xác định điểm chung và khác biệt.

f. Ưu điểm và hạn chế của phương pháp

Ưu điểm	Hạn chế
Khai thác được thông tin sâu sắc, phong phú	Phụ thuộc vào sự hợp tác và mức độ cởi mở của người được phỏng vấn
Linh hoạt, dễ mở rộng chủ đề và điều chỉnh câu hỏi theo tình huống	Có thể xảy ra thiên lệch thông tin nếu người trả lời không trung thực hoặc bị ảnh hưởng bởi ý kiến cá nhân
Bổ sung cho dữ liệu định lượng, giúp hiểu rõ bối cảnh nghiên cứu	Phân tích dữ liệu đòi hỏi thời gian và kỹ năng xử lý nội dung định tính

CHƯƠNG 4: THỰC TRẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HỆ THỐNG KẾ TOÁN TẠI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

4.1 . Giới thiệu doanh nghiệp

A. Giới thiệu tổng quan về công ty

- Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI MAI THỊ
- Tên quốc tế: MAI THI INVESTMENT TRADING JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: TAT., JSC
- Người đại diện theo pháp luật: Mai Anh Tuấn
- Địa chỉ: Số 392 Đội Cấn, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Mã số thuế: 0107962497
- Điện thoại: 024 62731230
- Email: chinh4684@tatgolf.vn
- Ngày cấp giấy phép: 15/08/2018
- Web: <https://www.tatgolf.vn/>
- Nơi đăng ký quản lý: Chi cục Thuế Quận Ba Đình
- Ngành nghề kinh doanh chính: Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

B. Quá trình hình thành và phát triển của Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại Mai Thị

4.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.

- Tiền thân là một cửa hàng bán dụng cụ thể thao được thành lập vào tháng 10 năm 2007. Trải qua 10 năm hình thành và phát triển , TAT GOLF Vietnam hiện là thương hiệu bán lẻ lớn nhất tại Việt Nam và đã có gần 20 cửa hàng trên toàn quốc. Các sản phẩm kinh doanh của TAT GOLF Vietnam bao gồm gậy golf, giày golf, túi golf, trang phục golf và phụ kiện chơi golf... TAT GOLF Vietnam là một thương hiệu quen thuộc trong lĩnh vực thể thao nói chung và ngành golf nói riêng.

- Tự hào là thương hiệu bán lẻ ngành golf uy tín, lớn nhất tại Việt Nam và cũng là đại lý lớn nhất thay mặt các thương hiệu golf nổi tiếng trên thế giới tại Việt Nam như TaylorMade, Titleist, HONMA, XXIO, Nike Golf, adidas Golf, Puma Golf, Under Armour, FootJoy, PGM ...

Với phương châm “Sự hài lòng của khách hàng là ưu tiên số 1”, TAT GOLF Vietnam luôn hướng tới mục đích cung cấp cho khách hàng những sản phẩm chính hãng, những dịch vụ tốt nhất, mang tới cho khách hàng sự hài lòng tối đa khi sử dụng dịch vụ của TAT GOLF Vietnam. Tận tình, chu đáo và chuyên nghiệp là điều mà TAT GOLF Vietnam” mong muốn hướng tới, thực sự đã và đang hướng tới

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang phát triển mạnh, nhu cầu chơi golf ngày càng gia tăng, chúng tôi tự hào là thương hiệu uy tín, được các golfer tin tưởng và sử dụng sản phẩm, vì chúng tôi cam kết mang lại cho khách hàng sản phẩm chính hãng tốt nhất với chất lượng uy tín và giá trị vững bền.

- TAT GOLF Vietnam là đối tác lớn nhất của các thương hiệu trong nước như: TaylorMade, FootJoy, Nike Golf, XXIO, Titleist, adidas Golf, Puma Golf...

- Và là đối tác uy tín với các thương hiệu ngoài nước như: HONMA, Bushnell, GolfBuddy, Mizuno,...

4.1.2. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh (03 năm gần đây)

Mặc dù gặp nhiều khó khăn do có nhiều đối thủ cạnh tranh là các doanh nghiệp lớn khác trong cùng lĩnh vực, cũng như cơ chế thông thoáng mở cửa trong thời kỳ hội nhập. Nhưng với sự nỗ lực cố gắng của Ban Giám đốc và toàn thể công nhân viên trong Công ty mọi khó khăn đã được giải quyết và khắc phục, tình hình tài chính ngày càng được cải thiện và có dấu hiệu tốt. Thể hiện qua một vài chỉ tiêu dưới đây:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	CL 2022 so với 2021		CL 2023 so với 2022	
					+/-	%	+/-	%
1	Doanh thu	158.945.245.769	215.185.628.605	166.323.360.528	56.240.382.836	35,38%	-48.862.268.077	-22,7%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		15.328.441.515	608.265.919	15.328.441.515		-14.720.175.596	
3	Doanh thu thuần	158.945.245.769	199.857.187.090	165.715.094.609	40.911.941.321	25,74%	-34.142.092.481	-22,7%
4	Giá vốn hàng bán	142.676.094.048	176.747.418.590	139.508.995.838	34.071.324.542	23,88%	-37.238.422.752	-21,1%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	949.887.719	4.536.042.561	1.356.528.472	3.586.154.842	377,53%	-3.179.514.089	-70,1%
7	Chi phí tài chính	1.873.875.567	3.913.301.063	5.567.360.234	2.039.425.496	108,83%	1.654.059.171	42,3%
8	Chi phí quản lý kinh doanh	15.439.344.439	22.737.615.326	21.639.019.538	7.298.270.887	47,27%	-1.098.595.788	-4,8%
9	Lợi nhuận thuần	-94.180.566	994.894.672	356.247.471	1.089.075.238	-1156,37%	-638.647.201	-64,2%
10	Thu nhập khác	610.831.982	162.190.791	334.987.860	-448.641.191	-73,45%	172.797.069	
12	Lợi nhuận khác	610.831.982	162.190.791	334.987.860	-448.641.191	-73,45%	172.797.069	
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	516.651.416	1.157.085.463	691.235.331	640.434.047	123,96%	-465.850.132	-40,3%
14	Thuế TNDN	103.330.283	231.417.093	138.247.066	128.086.810	123,96%	-93.170.027	-40,3%
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	413.321.133	925.668.370	552.988.265	512.347.237	123,96%	-372.680.105	-40,3%
16	ROA	0,21%	0,47%	0,26%	0,003	123,96%	-0,002	-44,4%
17	ROE	0,36%	0,81%	0,40%	0,004	123,96%	-0,004	-50,3%
18	ROS	0,26%	0,46%	0,33%	0,002	78,11%	-0,001	-28,0%

Bảng 1. 1: Một số chỉ tiêu của Công Ty Cổ Phần Dầu Tư Thương Mại Thị trong năm 2021 - 2023

Nhìn chung, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 3 năm gần đây có nhiều sự thay đổi đáng kể, cụ thể như sau:

- *Phân tích BCKQKD*

So với năm 2021 thì năm 2022 có doanh thu và hoạt động kinh doanh hiệu quả hơn, Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp năm 2021 là 158.945.245.769 đồng tăng 56.240.382.836 đồng tương ứng tăng 39,1% vào năm 2022 đạt 215.185.628.605 đồng; trong đó giá vốn cũng tăng lên 23,88% tương ứng với tăng 34.071.324.542 đồng vì thế Lợi nhuận thuần cũng tăng đáng kể lên 1.089.075.238 đồng tương ứng tăng 1156,37%. Đây là con số khá ấn tượng trong ngành, lý giải cho điều này có thể thấy trong năm 2021 doanh nghiệp đã mở rộng quy mô sản xuất có nhiều đơn hàng hơn đồng thời kiểm soát Giá vốn hàng bán vì thế lợi nhuận thuần đạt mức tăng trưởng dương.

Bên cạnh đó về hoạt động tài chính, DN có các hoạt động làm tăng doanh thu có thể là cho vay. Nó làm cho doanh thu tài chính tăng từ 949.887.719 đồng lên 4.536.042.561 đồng vào năm 2021. Hơn nữa Chi phí quản lý kinh doanh cũng được doanh nghiệp tăng 7.298.270.887 đồng vào năm 2021 tương ứng tăng 47,27% chứng tỏ DN đã áp dụng hiệu quả các chiến lược kinh doanh điều đó là tối đa hoá lợi nhuận. Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng 512.347.237 đồng vẫn cao gấp 2 lần so với năm trước năm 2021. Có thể nói năm 2022 DN có “sức khoẻ tài chính” khá tốt.

Đến năm 2023 tình Biều kinh doanh của DN có nhiều biến động không tốt thấy sự sụt giảm rõ rệt. Doanh thu thuần giảm 199.857.187.090 đồng còn 165.715.094.609 đồng tương ứng giảm 222,7%, Giá vốn hàng bán cũng giảm xuống còn 139.508.995.838 đồng vào năm 2023 tương ứng giảm 21,1% cho thấy trong năm hoạt động sản xuất kinh doanh của DN chịu ảnh hưởng nhiều của nền kinh tế và nhu cầu thị trường tiềm năng bị giảm sút. Điều đó kiến Lợi nhuận sau thuế giảm 40,3% xuống còn 552.988.265 đồng tức là giảm 372.680.105 đồng so với năm 2022.

Bên cạnh đó Chi phí tài chính lại tăng mạnh từ 3.913.301.063 đồng năm 2022 lên 5.567.360.234 đồng năm 2023, DN đã có các khoản vay tài chính để bù đắp vào nhưng thiếu hụt từ hoạt động kinh doanh và duy trì sản xuất. Có thể thấy năm 2023 không phải là năm thuận lợi của doanh nghiệp nói riêng và các công ty cùng ngành nói chung.

- *Các chỉ tiêu tài chính*

Tỷ suất ROA (lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản) có sự thay đổi qua các năm, năm 2021 là 0,21% năm 2022 là 0,47% năm 2023 là 0,26%. Tỷ suất này cho biết một đồng đầu tư vào tài sản của doanh nghiệp sẽ thu được bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế.

Công ty vạch ra chiến lược kinh doanh, tránh lãng phí để có thể tối ưu hóa hiệu quả kinh tế.

Tỷ suất ROE (lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu) có sự thay đổi, năm 2021 là 0,36% đến 2022 tỷ suất này tăng 0,004 tương ứng tăng 123,96% còn 0,40% sang năm 2023. Tỷ suất này là phần trăm lợi nhuận thu được của chủ sở hữu trên vốn đầu tư của mình. Doanh nghiệp đang có xu hướng sử dụng vốn chủ sở hữu nhiều hơn, mặc dù có thể tự chủ về tài chính, giảm thiểu rủi ro trong tương lai nhưng lại làm tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu thấp hơn rất nhiều. Công ty cần sử dụng đòn bẩy tài chính tốt hơn để có thể nâng cao tỉ suất ROE, tạo niềm tin cho các nhà đầu tư, đối tác, cũng như thu hút đầu tư cho công ty.

Tỷ suất ROS (lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần) có sự biến động, năm 2021 đạt 0,26% năm 2022 tăng gấp 2 lần đạt 0,46% nhưng đến 2023 về 0,33%. Tỷ suất ROS tăng lên vào 2 năm 2022 và 2023. Điều này cho thấy tính hiệu quả của việc sử dụng tài sản của doanh nghiệp. Chứng tỏ doanh nghiệp đang dần khắc phục được tình Biều. Doanh nghiệp cần tập chung cải thiện tình Biều kinh tế, phải nỗ lực kiểm soát chi phí để thu hút nhà đầu tư.

4.2 Thực trạng việc chuyển đổi số trong hệ thống kế toán của 02 doanh nghiệp thương mại điển hình

4.2.1. Đặc điểm, điều kiện và động lực thúc đẩy áp dụng chuyển đổi số trong hệ thống kế toán

Chuyển đổi số trong hệ thống kế toán không còn là một xu hướng mà đã trở thành một yêu cầu tất yếu đối với các doanh nghiệp muốn nâng cao hiệu quả hoạt động, tối ưu hóa chi phí và đảm bảo tính cạnh tranh trong bối cảnh kinh tế số. Việc ứng dụng các giải pháp công nghệ, đặc biệt là các phần mềm kế toán như MISA, mang lại nhiều lợi ích vượt trội. Tuy nhiên, để quá trình chuyển đổi số diễn ra thành công và hiệu quả, cần có những đặc điểm phù hợp và đáp ứng các điều kiện tất yếu nhất định.

Đặc điểm phù hợp để áp dụng chuyển đổi số trong hệ thống kế toán:

1. Quy mô và độ phức tạp của hoạt động kinh doanh: Các doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn, với số lượng giao dịch kế toán lớn và quy trình phức tạp, đặc biệt phù hợp

để áp dụng chuyển đổi số. Phần mềm kế toán như MISA có khả năng xử lý lượng lớn dữ liệu một cách nhanh chóng và chính xác, tự động hóa các nghiệp vụ phức tạp như quản lý nhiều loại hình nghiệp vụ (mua hàng, bán hàng, kho, công nợ, tài sản cố định,...), đa chi nhánh, đa tiền tệ. Điều này giúp giảm tải công việc thủ công cho kế toán viên và nâng cao hiệu suất làm việc.

2. Mong muốn nâng cao hiệu quả và năng suất: Doanh nghiệp có mục tiêu tối ưu hóa quy trình kế toán, giảm thiểu thời gian và chi phí cho các công việc lặp đi lặp lại, hướng tới một hệ thống kế toán thông minh và hiệu quả hơn sẽ nhận thấy sự phù hợp rõ rệt của chuyển đổi số. MISA giúp tự động hóa các khâu nhập liệu, hạch toán, lập báo cáo, từ đó giải phóng nguồn lực kế toán để tập trung vào các hoạt động phân tích, tư vấn và đưa ra quyết định kinh doanh.

3. Yêu cầu về tính chính xác và kịp thời của thông tin: Trong môi trường kinh doanh cạnh tranh, việc có được thông tin kế toán chính xác và kịp thời là vô cùng quan trọng để đưa ra các quyết định quản lý hiệu quả. Phần mềm MISA cung cấp các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị một cách nhanh chóng và trực quan, giúp nhà quản lý nắm bắt tình hình tài chính của doanh nghiệp mọi lúc mọi nơi.

4. Chú trọng đến khả năng tích hợp và mở rộng: Doanh nghiệp có nhu cầu tích hợp hệ thống kế toán với các hệ thống quản lý khác như ERP, CRM, hệ thống bán hàng trực tuyến,... sẽ thấy rõ sự phù hợp của các phần mềm kế toán hiện đại như MISA. MISA thường cung cấp các API mở hoặc khả năng kết nối với các ứng dụng khác, tạo nên một hệ sinh thái quản trị doanh nghiệp đồng bộ và hiệu quả. Khả năng mở rộng của phần mềm cũng đảm bảo hệ thống có thể đáp ứng sự phát triển của doanh nghiệp trong tương lai.

5. Ý thức về bảo mật và an toàn dữ liệu: Dữ liệu kế toán là tài sản quan trọng của doanh nghiệp, do đó, việc đảm bảo an toàn và bảo mật dữ liệu là yếu tố then chốt. Các phần mềm kế toán uy tín như MISA thường có các biện pháp bảo mật nhiều lớp, sao lưu dữ liệu thường xuyên, đảm bảo thông tin kế toán của doanh nghiệp được an toàn.

Điều kiện tất yếu để áp dụng chuyển đổi số trong hệ thống kế toán:

1. Hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng: Để triển khai và vận hành hiệu quả phần mềm kế toán như MISA, doanh nghiệp cần có một hạ tầng công nghệ thông tin ổn định, bao gồm hệ thống máy tính, mạng internet, và các thiết bị hỗ trợ khác. Đảm bảo băng

thông đủ lớn và hệ thống hoạt động trơn tru là điều kiện tiên quyết để tránh gián đoạn trong quá trình sử dụng phần mềm.

2. Nhận thức và cam kết từ lãnh đạo: Sự ủng hộ và cam kết từ ban lãnh đạo là yếu tố then chốt quyết định sự thành công của quá trình chuyển đổi số. Lãnh đạo cần hiểu rõ lợi ích của việc áp dụng công nghệ vào kế toán và sẵn sàng đầu tư nguồn lực (tài chính, nhân sự) cho quá trình này.

3. Đội ngũ nhân sự có năng lực và sẵn sàng thay đổi: Kế toán viên cần có kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản và sẵn sàng học hỏi, thích nghi với các quy trình làm việc mới trên phần mềm. Doanh nghiệp có thể cần tổ chức các khóa đào tạo để nâng cao năng lực sử dụng phần mềm cho đội ngũ kế toán. Sự hợp tác và tinh thần đổi mới của nhân viên là yếu tố quan trọng để vượt qua những thách thức ban đầu trong quá trình chuyển đổi.

4. Lựa chọn phần mềm kế toán phù hợp: Việc lựa chọn phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm và nhu cầu của doanh nghiệp là vô cùng quan trọng. MISA là một trong những phần mềm kế toán phổ biến tại Việt Nam, với nhiều phiên bản và tính năng phù hợp với nhiều loại hình và quy mô doanh nghiệp. Tuy nhiên, doanh nghiệp cần đánh giá kỹ lưỡng các yếu tố như tính năng, chi phí, khả năng hỗ trợ, khả năng tùy chỉnh,... trước khi đưa ra quyết định.

5. Quy trình triển khai và đào tạo bài bản: Quá trình triển khai phần mềm kế toán cần được thực hiện theo một kế hoạch bài bản, bao gồm việc thiết lập hệ thống, chuyển đổi dữ liệu (nếu có), kiểm thử và đưa vào sử dụng chính thức. Đồng thời, việc đào tạo người dùng một cách đầy đủ và hiệu quả là điều kiện tất yếu để đảm bảo tất cả nhân viên có thể sử dụng phần mềm một cách thành thạo.

Động lực thúc đẩy chuyển đổi số trong hệ thống kế toán

Các chuyên gia phỏng vấn đều thống nhất rằng động lực chủ yếu thúc đẩy quá trình số hóa hệ thống kế toán tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Mai Thị đến từ nhu cầu tăng tốc độ xử lý thông tin tài chính, nâng cao độ chính xác và tính minh bạch trong báo cáo kế toán. Áp lực từ việc phải đáp ứng các yêu cầu pháp lý mới, đặc biệt là quy định bắt buộc sử dụng hóa đơn điện tử và báo cáo thuế điện tử, cũng đóng vai trò rất lớn. Ngoài ra, ban lãnh đạo doanh nghiệp kỳ vọng rằng chuyển đổi số sẽ giúp tối ưu hóa nguồn nhân lực kế toán, giảm thiểu chi phí vận hành và tăng khả năng kiểm soát nội bộ.

Một chuyên viên kế toán chia sẻ: “*Trước khi áp dụng phần mềm, việc tổng hợp số liệu bán hàng, tồn kho hay công nợ phải thu đều phải làm thủ công, rất dễ sai sót và mất thời gian. Phần mềm MISA giúp chúng tôi tự động hóa gần như toàn bộ các bước này*”.

Kế toán bán hàng chia sẻ về cảm nhận: “Là một người làm kế toán, tôi thấy chuyển đổi số không chỉ là xu hướng mà là nhu cầu tất yếu để doanh nghiệp tồn tại và phát triển. Khi ứng dụng công nghệ, chúng ta giảm được nhiều công việc thủ công, hạn chế sai sót và có số liệu gần như ngay lập tức để hỗ trợ lãnh đạo ra quyết định. Tuy nhiên, thành công của chuyển đổi số không chỉ nằm ở phần mềm hay thiết bị, mà quan trọng là tư duy và kỹ năng của con người vận hành nó. Do đó, đầu tư cho công nghệ phải song hành với đào tạo nhân sự và xây dựng quy trình chuẩn. Có như vậy, kế toán mới thực sự trở thành bộ phận chiến lược, chứ không chỉ là nơi ghi chép và báo cáo”

Ứng dụng về phần mềm MISA:

Phần mềm kế toán MISA với các phiên bản đa dạng (MISA SME.NET, MISA AMIS) cung cấp một giải pháp toàn diện cho công tác kế toán của doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số. MISA không chỉ giúp tự động hóa các nghiệp vụ kế toán cơ bản mà còn cung cấp nhiều tính năng nâng cao như:

- Quản lý hóa đơn, chứng từ điện tử: Tích hợp với các nhà cung cấp hóa đơn điện tử, giúp doanh nghiệp dễ dàng tạo lập, gửi nhận và quản lý hóa đơn điện tử.
- Ngân hàng điện tử: Kết nối trực tiếp với ngân hàng, tự động đối chiếu giao dịch và hạch toán.
- Báo cáo thông minh: Cung cấp các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị trực quan, có thể tùy chỉnh theo nhu cầu.
- Phân tích tài chính: Hỗ trợ phân tích tình hình tài chính, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- Mobile app: Cho phép kế toán viên và nhà quản lý truy cập và theo dõi thông tin kế toán mọi lúc mọi nơi.
- Tích hợp với các hệ thống khác: Có khả năng tích hợp với các phần mềm quản lý bán hàng, quản lý kho, CRM,...

Việc áp dụng MISA đòi hỏi doanh nghiệp phải đáp ứng các đặc điểm phù hợp và các điều kiện tất yếu đã nêu trên. Khi đó, MISA sẽ trở thành một công cụ mạnh mẽ, giúp

doanh nghiệp chuyển đổi số thành công hệ thống kế toán, nâng cao hiệu quả hoạt động và đạt được lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

4.2.2. Mức độ ứng dụng công nghệ chuyển đổi số

Quá trình triển khai chuyển đổi số

Theo phản ánh từ các đối tượng tham gia, quá trình triển khai phần mềm MISA được thực hiện theo lộ trình bài bản, bắt đầu từ khâu đào tạo nội bộ, thử nghiệm hệ thống và chính thức đưa vào vận hành. Tuy nhiên, giai đoạn đầu triển khai gặp không ít khó khăn, chủ yếu do sự thiếu đồng bộ giữa các bộ phận, sự lúng túng ban đầu của nhân viên kế toán khi làm quen với hệ thống mới và việc tích hợp dữ liệu lịch sử từ các phần mềm cũ.

Kế toán trưởng cho biết: *“Với vai trò kế toán trưởng, tôi nhận thấy chuyển đổi số là bước ngoặt quan trọng giúp bộ phận kế toán chuyển từ vai trò xử lý chứng từ sang vai trò tư vấn chiến lược tài chính cho ban lãnh đạo. Ban đầu, chúng tôi gặp nhiều lỗi nhỏ do chưa quen thao tác hoặc dữ liệu cũ không đồng bộ. Việc ứng dụng phần mềm và hệ thống quản trị số giúp dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực, báo cáo nhanh hơn, chính xác hơn, từ đó nâng cao hiệu quả điều hành. Tuy nhiên, quá trình này không đơn thuần chỉ là thay đổi công cụ, mà là thay đổi toàn bộ cách làm việc và tư duy quản lý. Để chuyển đổi số thành công, doanh nghiệp cần có lộ trình rõ ràng, đầu tư cho hạ tầng công nghệ, đảm bảo an toàn dữ liệu, đồng thời chú trọng đào tạo đội ngũ để thích nghi và khai thác tối đa giá trị của hệ thống mới.”*

Điều đáng chú ý là sự cam kết mạnh mẽ từ ban lãnh đạo đã giúp đẩy nhanh tiến độ triển khai. Ban lãnh đạo không chỉ cấp ngân sách đầu tư công nghệ mà còn trực tiếp tham gia kiểm tra tiến độ và giải quyết kịp thời các vướng mắc nảy sinh trong quá trình thực hiện.

Ứng dụng công nghệ chuyển đổi số được áp dụng trong các lĩnh vực sau:

Hệ thống quản lý bán hàng (Sales Management System/CRM):

Quản lý đơn hàng toàn diện: Không chỉ dừng lại ở việc tạo đơn hàng, hệ thống có thể theo dõi quá trình phê duyệt, đóng gói, vận chuyển và giao hàng. Kế toán bán hàng có thể truy cập thông tin này để đối chiếu và hạch toán doanh thu, chi phí liên quan đến từng đơn hàng. Quản lý chính sách giá và chiết khấu phức tạp: Hệ thống có khả năng tự động áp dụng các chính sách giá khác nhau cho từng nhóm khách hàng, từng loại sản phẩm hoặc theo các chương trình khuyến mãi cụ thể. Kế toán có thể thiết lập và theo dõi các

chính sách này trên hệ thống, đảm bảo tính chính xác trong việc tính toán doanh thu và các khoản giảm trừ.

Quản lý hoa hồng cho nhân viên kinh doanh: Hệ thống có thể tự động tính toán hoa hồng dựa trên doanh số bán hàng của từng nhân viên hoặc nhóm kinh doanh theo các công thức đã được thiết lập. Kế toán có thể sử dụng dữ liệu này để hạch toán chi phí hoa hồng và theo dõi hiệu quả làm việc của bộ phận kinh doanh.

Phân tích hiệu suất bán hàng: Hệ thống cung cấp các báo cáo phân tích về doanh số theo sản phẩm, khách hàng, khu vực, thời gian, giúp kế toán và ban lãnh đạo có cái nhìn tổng quan về tình hình kinh doanh và đưa ra các quyết định điều chỉnh chiến lược bán hàng.

Tích hợp thanh toán trực tuyến: Nếu công ty có kênh bán hàng trực tuyến, hệ thống có thể tích hợp với các cổng thanh toán điện tử, tự động ghi nhận các giao dịch thanh toán và đối chiếu với dữ liệu ngân hàng, giúp kế toán theo dõi công nợ và doanh thu một cách hiệu quả.

Hệ thống hóa đơn điện tử:

Tự động hóa quy trình lập và gửi hóa đơn: Sau khi đơn hàng được hoàn tất, hệ thống tự động tạo hóa đơn điện tử theo mẫu quy định và gửi trực tiếp đến khách hàng qua email hoặc các kênh khác. Kế toán không cần tốn thời gian in ấn, ký tên và gửi hóa đơn thủ công.

Lưu trữ và quản lý hóa đơn tập trung: Tất cả hóa đơn điện tử được lưu trữ trên hệ thống, dễ dàng tìm kiếm, tra cứu và xuất trình khi cần thiết cho mục đích kế toán và kiểm toán.

Kết nối với cơ quan thuế: Hệ thống hóa đơn điện tử thường có khả năng kết nối và truyền dữ liệu trực tiếp đến cơ quan thuế theo quy định, giúp doanh nghiệp tuân thủ pháp luật về thuế một cách thuận tiện.

Tích hợp dữ liệu với phần mềm kế toán:

Tự động chuyển dữ liệu bán hàng: Các thông tin về doanh thu, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, công nợ phải thu từ hệ thống quản lý bán hàng và hệ thống hóa đơn điện tử sẽ tự động được chuyển sang phần mềm kế toán. Điều này giúp kế toán viên tiết kiệm thời gian nhập liệu, giảm thiểu sai sót và có dữ liệu kế toán cập nhật liên tục. Đối chiếu dữ liệu tự động: Hệ thống có thể tự động đối chiếu dữ liệu giữa các phân hệ (bán

hàng, kho, kế toán) để phát hiện các sai lệch và đảm bảo tính nhất quán của thông tin tài chính.

Tác động và tiềm năng phát triển của ứng dụng công nghệ trong kế toán bán hàng

**Tác động tích cực đến hiệu quả hoạt động kế toán bán hàng:*

Tiết kiệm thời gian và chi phí: Tự động hóa các quy trình thủ công giúp kế toán viên có nhiều thời gian hơn để tập trung vào các công việc phân tích và quản lý. Giảm chi phí in ấn, lưu trữ chứng từ giấy tờ.

Nâng cao tính chính xác và giảm thiểu sai sót: Việc nhập liệu và xử lý dữ liệu tự động giúp loại bỏ các lỗi do con người gây ra, đảm bảo tính chính xác của thông tin kế toán.

Cải thiện khả năng truy cập và quản lý thông tin: Dữ liệu bán hàng và kế toán được lưu trữ tập trung trên hệ thống, dễ dàng truy cập, tìm kiếm và trích xuất khi cần thiết cho việc báo cáo và phân tích.

Hỗ trợ ra quyết định nhanh chóng và chính xác: Các báo cáo phân tích từ hệ thống cung cấp thông tin kịp thời về hiệu suất bán hàng, giúp ban lãnh đạo đưa ra các quyết định kinh doanh sáng suốt.

Tăng cường tuân thủ pháp luật: Việc sử dụng hóa đơn điện tử và các phần mềm kế toán được cập nhật theo các quy định mới nhất giúp doanh nghiệp tuân thủ pháp luật về thuế và kế toán một cách hiệu quả.

Tiềm năng phát triển và các xu hướng công nghệ mới:

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và học máy (Machine Learning): AI có thể được ứng dụng để dự báo doanh số bán hàng, phân tích xu hướng mua hàng của khách hàng, phát hiện các giao dịch bất thường hoặc gian lận trong bán hàng.

Sử dụng công nghệ chuỗi khối (Blockchain): Blockchain có thể được sử dụng để tăng cường tính minh bạch và bảo mật trong các giao dịch bán hàng, đặc biệt là trong các giao dịch thương mại điện tử.

Internet of Things (IoT) trong quản lý bán hàng và kho: Các thiết bị IoT có thể theo dõi tình trạng hàng tồn kho theo thời gian thực, tự động cập nhật thông tin khi có giao dịch bán hàng, giúp kế toán có dữ liệu chính xác và kịp thời về giá vốn hàng bán.

Phân tích dữ liệu lớn (Big Data Analytics): Với lượng dữ liệu bán hàng ngày càng lớn, việc sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu lớn sẽ giúp kế toán khai thác thông tin giá trị, hiểu rõ hơn về hành vi khách hàng và tối ưu hóa chiến lược bán hàng.

Di động hóa (Mobile Accessibility): Các ứng dụng di động cho phép nhân viên kinh doanh tạo đơn hàng, kiểm tra thông tin sản phẩm và khách hàng mọi lúc mọi nơi. Kế toán bán hàng cũng có thể truy cập các báo cáo và phê duyệt các giao dịch trên thiết bị di động.

Sử dụng phần mềm MISA trong doanh nghiệp của kế toán mua hàng tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Mai Thị

1. Lập và quản lý đề nghị mua hàng:

- Kế toán mua hàng đã ứng dụng trên MISA:

- Bộ phận có nhu cầu (ví dụ: kho, sản xuất, hành chính) tạo đề nghị mua hàng trực tiếp trên phần mềm. Các thông tin như tên hàng hóa, số lượng, đơn vị tính, lý do mua hàng, thời gian cần,... được nhập liệu chi tiết.

- Đính kèm các tài liệu liên quan: Có thể đính kèm các file như yêu cầu kỹ thuật, báo giá sơ bộ,... vào đề nghị mua hàng.

- Theo dõi trạng thái đề nghị: Người tạo và các cấp quản lý có thể theo dõi trạng thái phê duyệt của đề nghị (chờ duyệt, đã duyệt, không duyệt).

2. Lập và quản lý đơn đặt hàng mua (Purchase Order - PO):

- Kế toán mua hàng hoặc bộ phận mua hàng tạo đơn đặt hàng dựa trên các đề nghị mua hàng đã được duyệt. Phần mềm cho phép chọn các đề nghị mua hàng đã duyệt để tạo PO, tự động lấy thông tin hàng hóa.

- Nhập thông tin nhà cung cấp: Chọn nhà cung cấp từ danh sách đã được quản lý trên phần mềm, tự động hiển thị các thông tin liên quan như địa chỉ, mã số thuế, điều khoản thanh toán.

- Nhập chi tiết đơn hàng: Số lượng, đơn giá, thành tiền, chiết khấu (nếu có), thuế suất thuế GTGT của từng mặt hàng được nhập liệu. Phần mềm tự động tính toán tổng tiền đơn hàng.

- Quản lý nhiều đơn vị tính: Nếu hàng hóa có nhiều đơn vị tính khác nhau, MISA cho phép quản lý và quy đổi đơn vị tính.

- Theo dõi trạng thái đơn hàng: Quản lý trạng thái của đơn hàng (mới, đã gửi, đã xác nhận, đã hủy).

- In ấn và gửi đơn đặt hàng: Phần mềm cho phép in đơn đặt hàng theo mẫu hoặc gửi trực tiếp qua email cho nhà cung cấp.

3. Nhận hàng mua:

- Bộ phận kho lập phiếu nhập kho khi nhận hàng từ nhà cung cấp.
- Chọn đơn đặt hàng liên quan: Phần mềm cho phép chọn đơn đặt hàng đã lập để tạo phiếu nhập kho, tự động hiển thị các thông tin về hàng hóa, số lượng theo đơn đặt hàng.
- Nhập số lượng thực tế nhập: Bộ phận kho nhập số lượng thực tế nhận được, có thể khác với số lượng trên đơn đặt hàng. Phần mềm hỗ trợ theo dõi tình trạng nhập thiếu, nhập thừa.

- Ghi nhận thông tin lô, hạn sử dụng (nếu có): Đối với các mặt hàng cần quản lý theo lô và hạn sử dụng, MISA cho phép nhập thông tin này khi nhập kho.

- In phiếu nhập kho: In phiếu nhập kho để làm chứng từ.
- Cập nhật số lượng tồn kho: Sau khi phiếu nhập kho được lưu, số lượng hàng hóa trong kho sẽ được tự động cập nhật trên phần mềm.

4. Nhận hóa đơn mua hàng:

- Kế toán mua hàng nhập hóa đơn mua hàng từ nhà cung cấp.
- Liên kết với phiếu nhập kho: Phần mềm cho phép liên kết hóa đơn mua hàng với phiếu nhập kho tương ứng để đối chiếu thông tin về số lượng, đơn giá.
- Nhập thông tin hóa đơn: Số hóa đơn, ngày hóa đơn, thông tin nhà cung cấp, chi tiết hàng hóa, đơn giá, số lượng, thành tiền, thuế GTGT, tổng tiền thanh toán.
- Tải lên hóa đơn điện tử (nếu có): MISA hỗ trợ tải lên các file hóa đơn điện tử (XML, PDF).

- Kiểm tra tính hợp lệ của hóa đơn: Phần mềm có thể tích hợp với các dịch vụ kiểm tra hóa đơn điện tử để đảm bảo tính hợp lệ của hóa đơn.

5. Hạch toán chi phí mua hàng và công nợ phải trả:

- Tự động hạch toán: Dựa trên thông tin từ phiếu nhập kho và hóa đơn mua hàng, phần mềm tự động sinh các bút toán kế toán liên quan đến chi phí mua hàng, thuế GTGT đầu vào, và công nợ phải trả cho nhà cung cấp.

- Theo dõi công nợ phải trả: MISA cung cấp các báo cáo về tình hình công nợ phải trả theo từng nhà cung cấp, theo thời gian nợ, giúp kế toán quản lý và lên kế hoạch thanh toán.

- Theo dõi chi tiết chi phí mua hàng: Phần mềm giúp theo dõi chi tiết các khoản chi phí liên quan đến quá trình mua hàng (ví dụ: chi phí vận chuyển, bốc xếp) và phân bổ vào giá trị hàng nhập kho (tùy theo thiết lập).

6. Thanh toán cho nhà cung cấp:

- Lập phiếu chi hoặc ủy nhiệm chi: Khi thực hiện thanh toán cho nhà cung cấp, kế toán lập phiếu chi hoặc ủy nhiệm chi trên phần mềm, chọn hóa đơn cần thanh toán và nhập số tiền thanh toán.

- Theo dõi tình hình thanh toán: Phần mềm theo dõi trạng thái thanh toán của từng hóa đơn, giúp kế toán biết được những khoản nào đã thanh toán, khoản nào còn nợ.

- Quản lý lịch sử thanh toán: Lưu trữ lịch sử thanh toán cho từng nhà cung cấp.

- Kết nối ngân hàng điện tử (tùy phiên bản): Một số phiên bản MISA có thể kết nối trực tiếp với ngân hàng điện tử, giúp thực hiện thanh toán trực tuyến và tự động ghi nhận giao dịch.

7. Báo cáo và phân tích mua hàng:

- Báo cáo mua hàng: Cung cấp các báo cáo tổng hợp và chi tiết về tình hình mua hàng theo thời gian, nhà cung cấp, mặt hàng, chi phí mua hàng,...

- Báo cáo công nợ phải trả: Báo cáo chi tiết và tổng hợp công nợ phải trả theo từng nhà cung cấp, tuổi nợ,...

- Phân tích hiệu quả mua hàng: Hỗ trợ phân tích chi phí mua hàng, đánh giá hiệu suất của nhà cung cấp, so sánh giá cả giữa các nhà cung cấp.

4.3. Phân tích tác động của chuyển đổi số đến hệ thống kế toán

Chuyển đổi số đã đem lại những thay đổi căn bản cho hệ thống kế toán tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Mai Thị. Các quy trình ghi nhận doanh thu, quản lý công nợ, kiểm kê kho hàng và lập báo cáo tài chính đều được số hóa, tự động hóa một cách toàn diện. Thời gian lập báo cáo tài chính tháng rút ngắn từ 7 ngày xuống còn khoảng 3–4 ngày, với độ chính xác được đánh giá là cao hơn trước đây.

Ngoài ra, hệ thống kế toán số hóa còn cho phép các nhà quản lý truy cập tức thời vào các chỉ số tài chính quan trọng thông qua báo cáo động, hỗ trợ kịp thời cho công tác ra quyết định. Khả năng kiểm tra lịch sử giao dịch, đối chiếu dữ liệu và phát hiện sai lệch cũng được cải thiện đáng kể.

Một quản lý CNTT nhấn mạnh: “Giờ đây, chỉ cần vài thao tác trên phần mềm, chúng tôi có thể theo dõi ngay dòng tiền, công nợ và hàng tồn kho mà không cần chờ báo cáo từ nhiều bộ phận như trước”.

4.3.1. Ảnh hưởng đến hiệu suất làm việc của nhân viên kế toán

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và xu hướng chuyển đổi số đang lan tỏa mạnh mẽ, tác động sâu rộng đến mọi khía cạnh của hoạt động kinh doanh, và lĩnh vực kế toán cũng không nằm ngoài vòng xoáy này. Việc ứng dụng các công nghệ số vào hệ thống kế toán mang đến những thay đổi mang tính cách mạng trong cách thức vận hành và quản lý tài chính của doanh nghiệp. Một trong những khía cạnh chịu ảnh hưởng trực tiếp và sâu sắc nhất chính là hiệu suất làm việc của đội ngũ nhân viên kế toán. Bài viết này sẽ đi sâu phân tích những tác động đa chiều của chuyển đổi số đến hiệu suất làm việc của nhân viên kế toán, làm rõ những cơ hội nâng cao năng suất cũng như những thách thức đặt ra trong bối cảnh công nghệ số ngày càng phát triển.

Một trong những ảnh hưởng rõ ràng và trực tiếp nhất của chuyển đổi số đến hiệu suất làm việc của nhân viên kế toán là sự **tự động hóa các tác vụ thủ công và lặp đi lặp lại**. Trước đây, nhân viên kế toán phải dành phần lớn thời gian cho các công việc như nhập liệu chứng từ, đối chiếu số liệu, tính toán các khoản mục phức tạp bằng tay, và lập các báo cáo tài chính theo phương pháp truyền thống. Những công việc này không chỉ tốn thời gian mà còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ sai sót do yếu tố con người. Tuy nhiên, với sự ra đời và phát triển của các phần mềm kế toán hiện đại, ứng dụng các công nghệ như nhận dạng ký tự quang học (OCR), trí tuệ nhân tạo (AI), và học máy (Machine Learning), nhiều tác vụ này đã được tự động hóa một cách hiệu quả. OCR và AI có khả năng đọc và trích xuất dữ liệu từ các chứng từ giấy hoặc điện tử một cách nhanh chóng và chính xác, giảm thiểu đáng kể thời gian nhập liệu. Các phần mềm kế toán có thể tự động hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh dựa trên các quy tắc và thiết lập sẵn, đối chiếu dữ liệu giữa các sổ sách kế toán và các nguồn khác như ngân hàng một cách tự động, và thậm chí tự động tổng hợp số liệu để lập các báo cáo tài chính cơ bản. Sự tự động hóa này giúp giải phóng nhân viên kế toán khỏi những công việc mang tính chất lặp đi lặp lại, cho phép họ tập trung vào các công việc mang tính chuyên môn cao hơn, đòi hỏi tư duy phân tích và khả năng giải quyết vấn đề phức tạp.

Bên cạnh việc tự động hóa, chuyển đổi số còn **cung cấp cho nhân viên kế toán các công cụ và nền tảng làm việc hiệu quả hơn**. Các phần mềm kế toán hiện đại thường

được thiết kế với giao diện thân thiện, dễ sử dụng, tích hợp nhiều tính năng hỗ trợ nghiệp vụ kế toán một cách toàn diện. Khả năng truy cập dữ liệu kế toán mọi lúc mọi nơi thông qua các thiết bị kết nối internet giúp nhân viên kế toán linh hoạt hơn trong công việc, có thể làm việc từ xa hoặc cộng tác với đồng nghiệp và các bộ phận khác một cách dễ dàng. Việc lưu trữ dữ liệu tập trung trên các nền tảng số giúp việc tìm kiếm, truy xuất và chia sẻ thông tin trở nên nhanh chóng và thuận tiện, tiết kiệm thời gian và nâng cao hiệu quả trao đổi công việc. Hơn nữa, các công cụ phân tích dữ liệu tích hợp trong phần mềm kế toán hoặc các công cụ BI (Business Intelligence) kết nối với hệ thống kế toán cung cấp cho nhân viên kế toán khả năng phân tích sâu hơn về tình hình tài chính của doanh nghiệp, nhận diện các xu hướng quan trọng và cung cấp thông tin giá trị cho việc ra quyết định của nhà quản lý.

Tuy nhiên, chuyển đổi số không chỉ mang lại những cơ hội mà còn đặt ra những **thách thức không nhỏ đối với hiệu suất làm việc của nhân viên kế toán**. Một trong những thách thức lớn nhất là **yêu cầu về kỹ năng và kiến thức mới**. Trong bối cảnh công nghệ số ngày càng phát triển, nhân viên kế toán không chỉ cần nắm vững các nguyên tắc và nghiệp vụ kế toán truyền thống mà còn phải trang bị cho mình những kiến thức và kỹ năng về công nghệ thông tin, phân tích dữ liệu, và sử dụng các phần mềm kế toán hiện đại. Việc thiếu hụt các kỹ năng này có thể gây ra sự lúng túng, khó khăn trong quá trình làm việc với các hệ thống mới, dẫn đến giảm hiệu suất. Hơn nữa, tốc độ thay đổi nhanh chóng của công nghệ đòi hỏi nhân viên kế toán phải không ngừng học hỏi và cập nhật kiến thức mới, điều này có thể tạo ra áp lực và đòi hỏi sự chủ động cao trong việc tự đào tạo và nâng cao trình độ.

Một thách thức khác liên quan đến **quá trình chuyển đổi và thích ứng với các quy trình làm việc mới**. Việc áp dụng các phần mềm và hệ thống kế toán số thường đi kèm với việc thay đổi các quy trình làm việc truyền thống. Nhân viên kế toán có thể gặp khó khăn trong việc làm quen với các quy trình mới, đặc biệt là những người đã quen với phương pháp làm việc thủ công trong thời gian dài. Sự thiếu chuẩn bị và đào tạo không đầy đủ về quy trình mới có thể dẫn đến sự nhầm lẫn, sai sót và làm giảm hiệu suất làm việc trong giai đoạn đầu chuyển đổi. Bên cạnh đó, vấn đề **bảo mật dữ liệu** cũng là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến tâm lý và hiệu suất làm việc của nhân viên kế toán. Việc lo lắng về nguy cơ mất mát hoặc rò rỉ dữ liệu kế toán quan trọng có thể tạo ra áp lực và sự bất an trong quá trình làm việc.

Ngoài ra, ***sự tích hợp giữa các hệ thống khác nhau*** trong doanh nghiệp với hệ thống kế toán số đôi khi cũng gây ra những khó khăn và làm chậm trễ quá trình xử lý công việc của nhân viên kế toán. Nếu các hệ thống không được tích hợp một cách trơn tru, việc trao đổi dữ liệu giữa các bộ phận có thể gặp vấn đề, đòi hỏi nhân viên kế toán phải thực hiện các thao tác thủ công để đồng bộ hóa thông tin, làm tăng thêm khối lượng công việc và giảm hiệu suất.

Tóm lại, chuyển đổi số mang đến những tác động đa chiều đến hiệu suất làm việc của nhân viên kế toán. Sự tự động hóa các tác vụ thủ công và việc cung cấp các công cụ làm việc hiệu quả hơn có tiềm năng lớn trong việc nâng cao năng suất và giải phóng nhân viên kế toán khỏi những công việc mang tính chất lặp đi lặp lại. Tuy nhiên, để tận dụng tối đa những lợi ích này, doanh nghiệp cần chú trọng đến việc đào tạo và trang bị cho đội ngũ kế toán những kỹ năng và kiến thức cần thiết để làm việc hiệu quả trong môi trường số. Đồng thời, việc quản lý sự thay đổi, đảm bảo an toàn bảo mật dữ liệu và tích hợp hệ thống một cách hiệu quả cũng là những yếu tố then chốt để tối ưu hóa hiệu suất làm việc của nhân viên kế toán trong bối cảnh chuyển đổi số ngày càng sâu rộng. Việc nhận thức rõ những cơ hội và thách thức này sẽ giúp doanh nghiệp có những chiến lược phù hợp để nâng cao hiệu suất của bộ phận kế toán, góp phần vào sự phát triển bền vững của tổ chức trong kỷ nguyên số.

4.3.2. Ảnh hưởng đến độ chính xác và tốc độ xử lý dữ liệu tài chính

Trong kỷ nguyên số, chuyển đổi số đã và đang mang lại những biến đổi sâu sắc trong mọi lĩnh vực, và kế toán tài chính không phải là ngoại lệ. Việc ứng dụng các công nghệ số vào hệ thống kế toán đã tạo ra những tác động đáng kể đến độ chính xác và tốc độ xử lý dữ liệu tài chính, hai yếu tố then chốt quyết định chất lượng thông tin kế toán và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Bài viết này sẽ đi sâu phân tích những ảnh hưởng quan trọng của chuyển đổi số đến hai khía cạnh này.

Một trong những tác động quan trọng nhất của chuyển đổi số là sự cải thiện đáng kể về độ chính xác của dữ liệu tài chính. Các phương pháp kế toán truyền thống, dựa nhiều vào thao tác thủ công, thường tiềm ẩn nguy cơ sai sót do nhầm lẫn trong quá trình nhập liệu, tính toán, hoặc ghi chép. Tuy nhiên, với sự hỗ trợ của các phần mềm kế toán hiện đại và các công nghệ tự động hóa, nhiều quy trình xử lý dữ liệu tài chính đã được thực hiện một cách chính xác và nhất quán hơn. Công nghệ nhận dạng ký tự quang học (OCR) và trí tuệ nhân tạo (AI) có khả năng tự động trích xuất thông tin từ các chứng từ

gốc với độ chính xác cao, giảm thiểu sai sót so với việc nhập liệu thủ công. Các phần mềm kế toán được thiết kế với các quy tắc và thuật toán chặt chẽ, đảm bảo rằng các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán đúng theo chuẩn mực và các quy định hiện hành. Hơn nữa, các chức năng kiểm tra và đối chiếu dữ liệu tự động giúp phát hiện và cảnh báo các sai lệch tiềm ẩn, cho phép kế toán viên kịp thời điều chỉnh và đảm bảo tính trung thực của thông tin tài chính. Việc giảm thiểu sự can thiệp của con người vào các quy trình xử lý dữ liệu tài chính thông qua tự động hóa đã trực tiếp góp phần nâng cao độ tin cậy của các báo cáo tài chính và thông tin kế toán.

Song song với việc nâng cao độ chính xác, chuyển đổi số còn mang lại sự tăng tốc vượt trội trong tốc độ xử lý dữ liệu tài chính. Các phương pháp kế toán truyền thống thường đòi hỏi nhiều thời gian cho việc thu thập, sắp xếp, nhập liệu, tính toán và tổng hợp dữ liệu. Quá trình này có thể kéo dài, dẫn đến việc thông tin tài chính được cung cấp một cách chậm trễ, ảnh hưởng đến khả năng ra quyết định kịp thời của nhà quản lý. Tuy nhiên, với sự ứng dụng của các công nghệ số, quy trình xử lý dữ liệu tài chính đã được tối ưu hóa và rút ngắn đáng kể. Các phần mềm kế toán có khả năng xử lý lượng lớn dữ liệu một cách nhanh chóng và hiệu quả. Việc tự động hóa các tác vụ như nhập liệu, hạch toán, đối chiếu và lập báo cáo giúp tiết kiệm đáng kể thời gian cho nhân viên kế toán. Dữ liệu có thể được cập nhật và xử lý theo thời gian thực hoặc gần thời gian thực, cho phép doanh nghiệp có được bức tranh tài chính hiện tại một cách nhanh chóng. Các báo cáo tài chính và báo cáo quản trị có thể được tạo ra một cách tự động chỉ sau vài thao tác, thay vì mất nhiều ngày hoặc thậm chí vài tuần như trước đây. Tốc độ xử lý dữ liệu tài chính nhanh chóng giúp doanh nghiệp phản ứng linh hoạt hơn với những thay đổi của thị trường và đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời và hiệu quả.

Ngoài ra, chuyển đổi số còn tạo điều kiện cho việc tích hợp dữ liệu tài chính từ nhiều nguồn khác nhau một cách nhanh chóng và chính xác. Trong môi trường kinh doanh hiện đại, dữ liệu tài chính không chỉ nằm trong hệ thống kế toán mà còn được tạo ra từ các hệ thống quản lý khác như hệ thống quản lý bán hàng (POS), hệ thống quản lý kho, hệ thống quản lý quan hệ khách hàng (CRM), và các nền tảng thương mại điện tử. Việc tích hợp các hệ thống này giúp dữ liệu tài chính được tập trung hóa và đồng bộ hóa một cách tự động, loại bỏ nhu cầu nhập liệu thủ công trùng lặp và giảm thiểu nguy cơ sai sót do sự không nhất quán giữa các hệ thống. Khả năng tích hợp dữ liệu nhanh chóng và chính xác cung cấp một cái nhìn toàn diện và cập nhật về tình hình tài chính của doanh

ng nghiệp, hỗ trợ việc phân tích và đưa ra các quyết định chiến lược dựa trên thông tin tổng hợp.

Hơn nữa, việc ứng dụng các công nghệ như điện toán đám mây trong hệ thống kế toán còn góp phần nâng cao tốc độ xử lý và khả năng truy cập dữ liệu tài chính. Dữ liệu được lưu trữ và xử lý trên các máy chủ đám mây mạnh mẽ, cho phép nhiều người dùng có thể truy cập và làm việc cùng lúc mà không làm giảm hiệu suất hệ thống. Khả năng mở rộng linh hoạt của các nền tảng đám mây cũng đảm bảo rằng hệ thống có thể đáp ứng được sự gia tăng về khối lượng dữ liệu và nhu cầu xử lý của doanh nghiệp trong tương lai.

Tuy nhiên, để đạt được độ chính xác và tốc độ xử lý dữ liệu tài chính tối ưu thông qua chuyển đổi số, doanh nghiệp cần đảm bảo một số yếu tố quan trọng. Chất lượng dữ liệu đầu vào vẫn đóng vai trò then chốt. Dù các công nghệ tự động hóa có tiên tiến đến đâu, dữ liệu đầu vào không chính xác hoặc không đầy đủ vẫn sẽ dẫn đến kết quả sai lệch. Do đó, việc thiết lập các quy trình kiểm soát chất lượng dữ liệu chặt chẽ là vô cùng quan trọng. Bên cạnh đó, việc lựa chọn và triển khai các phần mềm và hệ thống kế toán phù hợp với quy mô và đặc thù của doanh nghiệp cũng ảnh hưởng lớn đến hiệu quả xử lý dữ liệu. Một hệ thống được thiết kế tốt và được cấu hình đúng cách sẽ mang lại độ chính xác và tốc độ xử lý cao hơn. Cuối cùng, đội ngũ nhân viên kế toán cần được đào tạo bài bản để sử dụng hiệu quả các công cụ và hệ thống mới, đảm bảo rằng các quy trình được thực hiện đúng cách và các lỗi có thể được phát hiện và xử lý kịp thời.

Như vậy chúng ta có thể thấy chuyển đổi số mang lại những tác động vô cùng tích cực đến độ chính xác và tốc độ xử lý dữ liệu tài chính. Sự tự động hóa các tác vụ thủ công, khả năng tích hợp dữ liệu từ nhiều nguồn, và việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến như AI, OCR và điện toán đám mây đã giúp nâng cao đáng kể độ tin cậy và rút ngắn thời gian xử lý thông tin tài chính. Điều này không chỉ giúp doanh nghiệp có được những báo cáo tài chính chính xác và kịp thời mà còn hỗ trợ hiệu quả cho việc ra quyết định kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh trong môi trường kinh doanh số ngày nay. Tuy nhiên, để tận dụng tối đa những lợi ích này, doanh nghiệp cần chú trọng đến chất lượng dữ liệu đầu vào, lựa chọn hệ thống phù hợp và đầu tư vào việc đào tạo đội ngũ nhân viên kế toán.

4.3.3. Triển vọng và định hướng phát triển trong tương lai

Theo kế hoạch phát triển trung hạn của doanh nghiệp, Công ty cổ phần đầu tư thương mại Mai Thị đang xem xét tích hợp thêm các giải pháp phân tích dữ liệu tài chính nâng cao (financial analytics) dựa trên nền tảng AI nhằm nâng cao khả năng dự báo dòng tiền, kiểm soát chi phí và tối ưu hóa hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, việc chuyển toàn bộ hệ thống kế toán lên nền tảng điện toán đám mây cũng đang được cân nhắc nhằm tăng tính linh hoạt và mở rộng khả năng truy cập từ xa cho đội ngũ kế toán và quản lý.

Các chuyên gia tham gia phỏng vấn đều tin rằng, với nền tảng chuyên đổi số đã được xây dựng, doanh nghiệp có nhiều tiềm năng để tiếp tục tối ưu hóa quy trình kế toán và khai thác sâu hơn các giá trị mà công nghệ số mang lại.

CHƯƠNG 5 : ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP VÀ KHUYẾN NGHỊ

5.1. Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả chuyển đổi số trong kế toán

Thứ nhất, tiếp tục nâng cao nhận thức cho các cấp, ngành và doanh nghiệp về chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán. Chuyển đổi số nói chung, trong lĩnh vực kế toán nói riêng vẫn là vấn đề mới, khó, phức tạp. Do đó, cần có sự chuyển đổi cả về tư duy, nhận thức và hành động; đổi mới căn bản, toàn diện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý, quản trị, điều hành của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương; đổi mới hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân; từ đó tạo sự thống nhất trong hành động để thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán.

Thứ hai, tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành, xây dựng, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, tạo hành lang pháp lý thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán. Chú trọng bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng. Các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp chủ động nguồn đầu tư, xây dựng lộ trình, kế hoạch chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán một cách đồng bộ.

Thứ ba, hoàn thiện chuẩn mực và nguyên tắc kế toán Việt Nam. Khác hẳn với kế toán truyền thống, trên nền dữ liệu lớn, thông tin được truyền tải theo thời gian thực, với tốc độ cao, các nghiệp vụ kế toán được xử lý qua phần mềm tiên tiến, các chuẩn mực và nguyên tắc kế toán hiện nay không còn phù hợp trong điều kiện tự động hóa. Chuẩn mực và nguyên tắc kế toán được xây dựng trong thời đại số hóa phải ràng buộc trách nhiệm nhiều hơn cho người dùng, vừa xem xét yếu tố đặc thù của quốc gia, vừa phải phù hợp với chuẩn mực quốc tế (IFRS). Áp dụng IFRS sẽ khắc phục những tồn tại, hạn chế của Chuẩn mực báo cáo tài chính Việt Nam (VAS) hiện hành, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về kế toán, đáp ứng yêu cầu quá trình cải cách thể chế, hội nhập quốc tế.

Thứ tư, đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo nguồn nhân lực kế toán. Các cơ sở đào tạo cần nhận thức đúng xu hướng số hóa để đổi mới chương trình đào tạo. Để đạt được sự kỳ vọng về năng lực của kế toán viên, giảng viên cần đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng trang bị cho sinh viên kỹ năng cần thiết đáp ứng yêu cầu công nghệ số. Cùng với đó, phải coi trọng đào tạo, bồi dưỡng năng lực hành vi như: hành động đạo đức, thái độ và ý thức trách nhiệm xã hội, cùng kỹ năng chuyên nghiệp, thái độ và đạo đức nghề nghiệp cho kế toán viên.

Thứ năm, tăng cường hợp tác quốc tế trong chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán. Chú trọng hợp tác đầu tư, chuyển giao công nghệ, hợp tác đào tạo, thu hút, tuyển dụng nguồn nhân lực kế toán, nhất là nhân lực chất lượng cao, hạn chế tình trạng chảy máu chất xám.

Thứ sáu, các công ty cần xây dựng kho cơ sở dữ liệu lớn trong giai đoạn đầu để phục vụ yêu cầu về thông tin, dữ liệu ngày càng tăng. Một công cụ có thể được áp dụng nhiều là Blockchain - có thể phân tích, xử lý dữ liệu, đảm bảo an toàn và bảo mật. Để đáp ứng yêu cầu này, các công ty phải thường xuyên cập nhật thông tin, ghi chép thông tin, bao gồm thông tin tài chính và các thông tin khác; tích hợp phần mềm kế toán trong hệ thống công nghệ thông tin chung của hệ thống hành chính; xây dựng phần mềm kế toán...

Thứ bảy, đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ trong ngành KT ở Việt Nam, tạo nền tảng bền vững cho sự phát triển trong tương lai. Đây là một vấn đề cấp bách nhưng cũng khá khó khăn trong lĩnh vực KT, bởi việc đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng số của Việt Nam còn nhiều hạn chế, trong khi việc triển khai công nghệ trong lĩnh vực KT không hề đơn giản và nhanh chóng.

Thứ tám, tìm kiếm và phát triển các giải pháp an toàn thông tin và bảo mật thông tin. Trong bối cảnh bùng nổ Internet hiện nay, nguy cơ bị đánh cắp thông tin KT là rất cao. Đây là một rủi ro đáng kể mà các kế toán và kiểm toán viên phải nhận thức được và chuẩn bị ứng phó trước khi triển khai các công nghệ mới.

Thứ chín, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng những yêu cầu thay đổi của lĩnh vực KT. Trong bối cảnh xu hướng hiện nay, các tài liệu và giấy tờ kế toán đang dần được số hóa, do đó kế toán và kiểm toán viên sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận với các nghiệp vụ liên quan đến giao dịch số. Các xu hướng mới trong lĩnh vực KT cũng đòi hỏi sự phát triển các kỹ năng mới của kế toán viên và kiểm toán viên. Ngoài các kỹ năng đặc biệt trong lĩnh vực KT, các kế toán viên và kiểm toán viên tương lai cũng cần nâng cao thêm các kỹ năng về luật và công nghệ thông tin.

Thứ mười, thay đổi nhận thức về tác động của công nghệ số nói chung và cách mạng công nghiệp nói riêng trong lĩnh vực KT. Số hóa lĩnh vực KT của Việt Nam là xu hướng tất yếu, nhất là khi các hoạt động kinh tế ngày càng đa dạng và phong phú. Do đó, việc thay đổi tư duy, nhận thức sẽ là động lực thúc đẩy các cá nhân, công ty, tổ chức hoạt

động trong lĩnh vực KT phát triển, nắm bắt và thay đổi kịp thời để thích ứng với công nghệ mới, nâng cao năng suất công việc và chất lượng công việc.

5.2. Khuyến nghị cho doanh nghiệp

5.2.1. Chuyển đổi số - Con đường sống còn để phát triển bền vững trong thời đại công nghệ

Trong kỷ nguyên công nghệ số hiện nay, chuyển đổi số không còn là một xu hướng nhất thời mà đã trở thành yếu tố sống còn, quyết định sự phát triển dài hạn và bền vững của các doanh nghiệp. Đây không chỉ đơn thuần là việc ứng dụng công nghệ mới vào hoạt động kinh doanh mà là một quá trình thay đổi toàn diện, từ văn hóa doanh nghiệp, chiến lược quản trị, đến phương pháp vận hành. Để tối ưu hóa lợi ích và giảm thiểu rủi ro, chuyển đổi số đòi hỏi một tầm nhìn xa, những chiến lược cụ thể và sự hợp tác chặt chẽ giữa các bên liên quan.

5.2.2. Xây dựng chiến lược dài hạn: Hành trình với tầm nhìn xa

Để đảm bảo thành công trong chuyển đổi số, doanh nghiệp cần xây dựng một chiến lược dài hạn rõ ràng, mang tính định hướng và khả thi. Chiến lược này phải được gắn kết với tầm nhìn và mục tiêu phát triển của doanh nghiệp, từ đó giúp định hình các bước đi cụ thể. Một trong những yếu tố quan trọng là đánh giá hiện trạng nội bộ để xác định các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong việc áp dụng công nghệ số.

Chiến lược dài hạn cần đặc biệt chú trọng đến việc đầu tư vào nguồn nhân lực - tài sản quan trọng nhất của bất kỳ tổ chức nào. Đào tạo và nâng cao kỹ năng số cho nhân viên là bước đi thiết yếu để đảm bảo họ có đủ khả năng thích nghi và tận dụng công nghệ mới. Ngoài ra, chiến lược cũng cần phải linh hoạt, luôn sẵn sàng điều chỉnh để đối mặt với những thay đổi bất ngờ từ thị trường hoặc các tiến bộ công nghệ không ngừng.

5.2.3. Tận dụng tối đa sự hỗ trợ từ chính phủ và các tổ chức công nghệ

Chính phủ và các tổ chức công nghệ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy chuyển đổi số trên quy mô quốc gia. Nhiều chính phủ đã đưa ra các chính sách hỗ trợ như cung cấp tài chính, tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số hoặc tạo điều kiện thuận lợi về pháp lý cho doanh nghiệp. Tại Việt Nam, các chiến lược chuyển đổi số quốc gia đã được triển khai nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, từng bước vượt qua thách thức và hội nhập vào nền kinh tế số toàn cầu.

Ngoài chính phủ, các tổ chức công nghệ cũng là nguồn lực quan trọng giúp doanh nghiệp tiếp cận các giải pháp và công cụ hiện đại nhất. Sự hợp tác với các công ty công

nghe hàng đầu không chỉ giúp cải thiện hiệu suất hoạt động mà còn mở ra những cơ hội mới trong việc phát triển sản phẩm, dịch vụ và mở rộng thị trường.

5.2.4. Tăng cường học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm giữa các doanh nghiệp

Một trong những lợi ích lớn nhất của chuyển đổi số là tạo ra một hệ sinh thái kinh doanh gắn kết, nơi các doanh nghiệp có thể học hỏi lẫn nhau. Việc chia sẻ kinh nghiệm không chỉ giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian và nguồn lực mà còn tạo cơ hội để phát triển những giải pháp sáng tạo hơn. Các diễn đàn doanh nghiệp, hội thảo chuyển đổi số hay các nhóm hợp tác là nơi lý tưởng để các công ty trao đổi kiến thức, từ đó xây dựng mối quan hệ đối tác chiến lược và cùng nhau phát triển.

5.2.5. Đánh giá những thách thức và cơ hội

Hành trình chuyển đổi số không tránh khỏi những thách thức lớn. Một trong số đó là sự phản kháng từ nội bộ doanh nghiệp, đặc biệt khi nhân viên chưa thực sự hiểu rõ và đồng lòng với sự thay đổi. Ngoài ra, các rủi ro an ninh mạng, chi phí đầu tư ban đầu cao hay sự phức tạp trong việc tích hợp công nghệ mới vào hệ thống cũ cũng là những trở ngại đáng kể. Tuy nhiên, nếu được quản lý tốt, những thách thức này có thể trở thành cơ hội để doanh nghiệp cải tiến quy trình, nâng cao hiệu quả hoạt động và gia tăng giá trị cạnh tranh.

Chuyển đổi số là một hành trình không có điểm dừng, đòi hỏi sự đầu tư toàn diện về nguồn lực, thời gian và chiến lược. Doanh nghiệp cần có một chiến lược dài hạn rõ ràng, tận dụng hiệu quả các hỗ trợ từ chính phủ và tổ chức công nghệ, đồng thời luôn sẵn sàng học hỏi từ cộng đồng doanh nghiệp. Đây không chỉ là con đường giúp doanh nghiệp đứng vững trong môi trường cạnh tranh mà còn là chìa khóa để mở ra cánh cửa phát triển bền vững trong tương lai.

5.3. Xây dựng phương pháp đánh giá kết quả của chuyển đổi số trong kế toán thông qua 2 doanh nghiệp thương mại

5.3.1. Xây dựng các thước đo theo từng phương diện

Trong bối cảnh công nghệ phát triển mạnh mẽ, việc số hóa các quy trình kế toán đang trở thành xu hướng tất yếu giúp doanh nghiệp cải thiện hiệu quả hoạt động và tăng tính minh bạch trong quản lý tài chính. Để đánh giá mức độ thành công của quá trình này, các doanh nghiệp thường dựa vào những thước đo cụ thể, từ tự động hóa quy trình đến trải nghiệm người dùng. Dưới đây là phân tích chi tiết về từng thước đo và vai trò của chúng trong chuyển đổi số hóa kế toán.

a, Mức độ tự động hóa quy trình kế toán

Một trong những yếu tố cốt lõi của kế toán số hóa là khả năng tự động hóa các quy trình kế toán phức tạp. Các doanh nghiệp có thể đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ qua việc số hóa các tác vụ như nhập liệu, xử lý hóa đơn, đối soát ngân hàng, hay lập báo cáo tài chính. Công nghệ tự động giúp giảm thiểu sự phụ thuộc vào thao tác thủ công, tiết kiệm thời gian, và hạn chế sai sót do con người gây ra. Đối với những doanh nghiệp ứng dụng mạnh mẽ tự động hóa, kết quả thường thấy là sự gia tăng hiệu suất làm việc, khả năng xử lý dữ liệu chính xác hơn, và giảm chi phí vận hành.

b, Mức độ tuân thủ và kiểm soát nội bộ

Tuân thủ pháp luật và kiểm soát nội bộ là hai yếu tố quan trọng trong hệ thống kế toán số hóa. Hệ thống kế toán hiện đại không chỉ giúp đảm bảo tính chính xác của dữ liệu mà còn tăng cường khả năng kiểm soát gian lận và sai sót. Các doanh nghiệp có thể sử dụng thước đo này để đánh giá mức độ hiệu quả của hệ thống kế toán số hóa trong việc phát hiện và xử lý các rủi ro nội bộ, cũng như khả năng tuân thủ các quy định pháp lý một cách nhanh chóng và minh bạch. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các công ty hoạt động trong môi trường pháp lý nghiêm ngặt hoặc yêu cầu báo cáo tài chính phức tạp.

c, Khả năng tích hợp hệ thống

Khả năng tích hợp giữa phần mềm kế toán và các hệ thống quản lý khác như ngân hàng điện tử, hệ thống quản lý nhân sự, và quản lý hàng tồn kho là yếu tố quyết định sự thành công trong kế toán số hóa. Một hệ thống tích hợp tốt không chỉ giúp doanh nghiệp đồng bộ hóa dữ liệu mà còn tối ưu hóa quá trình vận hành toàn diện. Thước đo này cho phép doanh nghiệp đánh giá mức độ liên kết và tương thích giữa các hệ thống, đồng thời xác định những điểm cần cải thiện để tăng hiệu quả sử dụng công nghệ.

d, Trải nghiệm người dùng

Đối với một hệ thống kế toán số hóa, trải nghiệm của người dùng - bao gồm nhân viên kế toán, lãnh đạo doanh nghiệp, và các bên liên quan - đóng vai trò rất quan trọng. Thước đo này đánh giá mức độ hài lòng, khả năng tiếp cận, và thao tác trên hệ thống kế toán. Một hệ thống dễ sử dụng không chỉ giúp giảm thiểu thời gian đào tạo mà còn tăng cường sự chấp nhận từ người dùng, thúc đẩy việc áp dụng công nghệ số một cách đồng bộ và hiệu quả. Sự hài lòng của người dùng là yếu tố then chốt để đảm bảo rằng hệ thống kế toán số hóa thực sự mang lại giá trị và cải thiện quy trình làm việc.

5.3.2. Thước đo về hiệu suất làm việc của bộ phận kế toán

Chuyển đổi số hóa kế toán đã trở thành một bước đi chiến lược của các doanh nghiệp trong thời đại công nghệ hiện nay. Với sự hỗ trợ của công nghệ, không chỉ các quy trình kế toán được tối ưu hóa, mà toàn bộ hệ thống tài chính của doanh nghiệp cũng được nâng cấp để đáp ứng tốt hơn yêu cầu từ thị trường và nhà đầu tư. Tuy nhiên, để đảm bảo rằng chuyển đổi số hóa thực sự mang lại hiệu quả, doanh nghiệp cần thực hiện đánh giá thông qua các thước đo cụ thể. Những chỉ số này không chỉ phản ánh mức độ cải tiến mà còn cung cấp dữ liệu hữu ích để điều chỉnh và tối ưu hóa chiến lược vận hành trong tương lai.

a, Thời gian xử lý nghiệp vụ kế toán

Thời gian xử lý các nghiệp vụ kế toán là một trong những chỉ số cốt lõi để đánh giá hiệu quả của chuyển đổi số hóa. Các nhiệm vụ kế toán truyền thống như nhập liệu, xử lý hóa đơn, lập báo cáo tài chính thường mất nhiều thời gian và phụ thuộc lớn vào thao tác thủ công. Việc áp dụng phần mềm kế toán hiện đại đã thay đổi hoàn toàn cách thức hoạt động này, giúp giảm thiểu thời gian và tăng hiệu suất.

So sánh trước và sau khi áp dụng công nghệ: Doanh nghiệp có thể đánh giá sự cải tiến rõ rệt bằng cách phân tích thời gian cần thiết để hoàn thành các nhiệm vụ kế toán trước và sau khi chuyển đổi. Ví dụ, trước đây việc lập báo cáo tài chính thường mất trung bình hai ngày, nhưng với hệ thống tự động, thời gian này đã giảm xuống chỉ còn vài giờ. Điều này không chỉ cải thiện năng suất mà còn tạo điều kiện cho việc ra quyết định kịp thời.

Hiệu quả vượt trội trong chiến lược dài hạn: Khi thời gian xử lý được rút ngắn, doanh nghiệp có thể phân bổ nguồn lực cho các hoạt động chiến lược, chẳng hạn như phân tích tài chính, dự báo xu hướng hoặc lập kế hoạch đầu tư.

b, Số lượng giao dịch kế toán được xử lý trong một khoảng thời gian

Khả năng xử lý khối lượng giao dịch lớn là một yếu tố phản ánh hiệu suất vượt trội của hệ thống kế toán số hóa. Các giao dịch kế toán như hóa đơn, bút toán, đối soát ngân hàng vốn yêu cầu sự chính xác cao và xử lý nhanh chóng. Công nghệ hiện đại không chỉ cho phép tăng tốc độ mà còn đảm bảo tính chính xác trong quá trình xử lý.

Gia tăng hiệu suất làm việc: Doanh nghiệp có thể so sánh số lượng giao dịch được hoàn thành trước và sau khi chuyển đổi số hóa. Một ví dụ điển hình là khả năng xử lý hóa

đơn: Trước đây, một doanh nghiệp chỉ có thể xử lý 300 giao dịch/ngày, nhưng sau khi triển khai công nghệ, con số này có thể tăng lên 1.000 đến 1.500 giao dịch/ngày.

Mở rộng quy mô linh hoạt: Với khả năng xử lý giao dịch vượt trội, doanh nghiệp có thể dễ dàng mở rộng quy mô hoạt động mà không cần tăng nguồn lực nhân sự hay tài chính.

c, Tỷ lệ công việc được tự động hóa

Tự động hóa là nền tảng quan trọng trong chuyển đổi số kế toán. Các công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo (AI), hệ thống nhận dạng ký tự (OCR) và phần mềm tự động hóa giúp giảm thiểu sự can thiệp của con người đối với các công việc lặp đi lặp lại. Điều này không chỉ tăng năng suất mà còn hạn chế sai sót.

Đo lường mức độ tự động hóa: Một thước đo quan trọng để đánh giá tự động hóa là tỷ lệ các nhiệm vụ mà phần mềm thực hiện thay cho nhân viên kế toán. Trước khi chuyển đổi số, chỉ 30% công việc kế toán có thể được tự động hóa. Sau khi áp dụng công nghệ, con số này thường tăng lên 70-80%, giúp giảm đáng kể khối lượng công việc thủ công.

Tối ưu hóa nguồn lực: Khi tự động hóa chiếm phần lớn công việc, nhân viên kế toán có thể tập trung vào các nhiệm vụ mang tính chiến lược cao hơn, chẳng hạn như phân tích dữ liệu tài chính và hỗ trợ đưa ra quyết định quản trị.

d, Mức độ giảm thiểu sai sót

Sai sót trong kế toán là một vấn đề phổ biến mà các doanh nghiệp luôn muốn giảm thiểu. Những lỗi này có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng, từ tổn thất tài chính đến ảnh hưởng uy tín. Chuyển đổi số hóa kế toán giúp hạn chế đáng kể sai sót thông qua việc áp dụng các công cụ kiểm tra tự động và hệ thống quản lý dữ liệu thông minh.

Phân tích tỷ lệ lỗi trước và sau khi chuyển đổi: Doanh nghiệp có thể đánh giá sự cải thiện bằng cách so sánh tỷ lệ lỗi trong hạch toán, lập báo cáo hoặc kê khai thuế trước và sau khi triển khai công nghệ. Ví dụ, tỷ lệ sai sót trước khi chuyển đổi là 5-7%, nhưng sau khi áp dụng hệ thống số hóa, tỷ lệ này giảm xuống dưới 1%, thậm chí gần như bằng 0.

Đảm bảo độ tin cậy và minh bạch: Việc giảm thiểu sai sót không chỉ giúp tiết kiệm chi phí sửa lỗi mà còn tăng cường sự tin nhiệm từ các bên liên quan như cổ đông, đối tác và cơ quan quản lý.

Chuyển đổi số hóa kế toán không chỉ là một cải tiến về mặt công nghệ mà còn là yếu tố then chốt để doanh nghiệp xây dựng một hệ thống tài chính hiện đại, minh bạch và hiệu quả. Thông qua việc áp dụng các thước đo như thời gian xử lý, số lượng giao dịch, tỷ lệ tự động hóa và mức độ giảm thiểu sai sót, doanh nghiệp có thể đánh giá toàn diện hiệu quả của chuyển đổi số và tối ưu hóa chiến lược vận hành. Việc liên tục phân tích và cải thiện những thước đo này sẽ đảm bảo rằng kế toán số hóa không chỉ là giải pháp hiện tại mà còn là nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu điển hình tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Mai Thị đã làm sáng tỏ những tác động sâu rộng và đa chiều của quá trình chuyển đổi số đối với hệ thống kế toán. Kết quả nghiên cứu cho thấy, chuyển đổi số không chỉ đơn thuần là việc ứng dụng các công nghệ mới vào các nghiệp vụ kế toán truyền thống, mà còn là một cuộc cách mạng thực sự, tái định hình quy trình làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động và mang lại những lợi ích chiến lược đáng kể cho doanh nghiệp.

Một trong những tác động rõ rệt nhất của chuyển đổi số là sự tối ưu hóa và tự động hóa các quy trình kế toán. Việc triển khai các phần mềm kế toán hiện đại, tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) và học máy (Machine Learning) đã giúp doanh nghiệp tự động hóa các tác vụ lặp đi lặp lại như nhập liệu, xử lý hóa đơn, đối chiếu ngân hàng và lập báo cáo tài chính. Điều này không chỉ giúp tiết kiệm thời gian và nguồn lực, giảm thiểu sai sót do yếu tố con người, mà còn cho phép đội ngũ kế toán tập trung vào các công việc mang tính phân tích, tư vấn và chiến lược cao hơn.

Bên cạnh đó, chuyển đổi số đã nâng cao đáng kể tính chính xác và kịp thời của thông tin kế toán. Dữ liệu kế toán được cập nhật liên tục, tập trung và dễ dàng truy cập thông qua các nền tảng số hóa. Điều này cung cấp cho nhà quản lý cái nhìn toàn diện về tình hình tài chính của doanh nghiệp, hỗ trợ họ đưa ra các quyết định kinh doanh nhanh chóng và hiệu quả hơn. Các báo cáo tài chính cũng được tạo lập một cách nhanh chóng và chính xác hơn, đáp ứng yêu cầu quản trị nội bộ và các quy định pháp lý.

Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, chuyển đổi số tăng cường khả năng kiểm soát nội bộ trong hệ thống kế toán. Việc áp dụng các công nghệ như blockchain và các hệ thống kiểm soát truy cập điện tử giúp tăng cường tính minh bạch, bảo mật và khả năng theo dõi các giao dịch tài chính. Các quy trình phê duyệt và kiểm soát được số hóa, giảm thiểu rủi ro gian lận và sai sót.

Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi số trong hệ thống kế toán tại các doanh nghiệp thương mại cũng đặt ra những thách thức không nhỏ. Chi phí đầu tư ban đầu cho hạ tầng công nghệ và phần mềm có thể là một rào cản đối với các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa. Bên cạnh đó, việc đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ kế toán để họ có thể làm chủ và khai thác hiệu quả các công nghệ mới là một yêu cầu cấp thiết. Vấn đề bảo mật dữ liệu và tính tích hợp giữa các hệ thống khác nhau trong doanh nghiệp cũng cần được quan tâm và giải quyết một cách triệt để.

Nghiên cứu điển hình tại các doanh nghiệp thương mại đã cho thấy sự khác biệt trong mức độ và hiệu quả của quá trình chuyển đổi số, phụ thuộc vào nhiều yếu tố như quy mô doanh nghiệp, năng lực tài chính, trình độ nhân lực và nhận thức của lãnh đạo về tầm quan trọng của chuyển đổi số. Các doanh nghiệp tiên phong trong việc áp dụng công nghệ số một cách toàn diện và có chiến lược rõ ràng đã gặt hái được những lợi ích đáng kể về hiệu quả hoạt động, khả năng cạnh tranh và tăng trưởng bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tham khảo bằng Tiếng Việt

- Trích (Chính phủ, 2020)
- Bộ thông tin và truyền thông & Hội tin học Việt Nam (2018)
- Trích (Chính phủ, 2022).
- (Phạm Quang Huy & Vũ Kiến Phúc, 2021)
- (Phạm Thị Lan Anh “Khoa Công nghệ thông tin, Học viện Nông nghiệp Việt Nam-2023).
- Trang báo của FPT
- Bộ Thông tin và Truyền thông Việt Nam (2020):
- Trang Tạp Trí Cộng Sản
- Nguồn trích: Cuốn sách "Kế toán số" của PGS.TS. Đặng Văn Thanh và Ths. Nguyễn Tiến Thanh, xuất bản năm 2021.
- Trích "Định hướng phát triển chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán" (2021) của TS. Nguyễn Phước Bảo Ân, TS. Trần Anh Hoa và TS. Phạm Trà Lam: Đây là một chương trong một cuốn sách (có thể là kỷ yếu hội thảo, sách chuyên khảo hoặc sách tham khảo) về chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán. Các tác giả là các tiến sĩ, cho thấy đây là một nguồn nghiên cứu học thuật.
- Nguồn trích: Bài báo "Mức độ chuyển đổi số trong kế toán tại doanh nghiệp của Việt Nam" của Nguyễn Thị Hồng Duyên, Vũ Thị Thanh Bình và Nguyễn Thị Hồng Nga, công bố năm 2023
- TS. Nguyễn Phương Anh (2025) trên Tạp chí Kinh tế và Dự báo
- Nguyễn Đình Hương (2009). Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế. NXB ĐH Kinh tế Quốc dân
- Bộ Tài chính (2022). Báo cáo chuyển đổi số ngành tài chính.
- Trần Thị Kim Dung (2011). Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh. NXB Thống kê.
- Tài liệu tham khảo: Trích dẫn tài liệu tại công ty cổ phần đầu tư thương mại Mai Thị

Tài Liệu tham khảo bằng Tiếng Anh

-Trích trong bài báo "Digital Transformation của tác giả Verhoef, Broekhuizen, Bart, Donkers, Slotegraaf, Van Weele và Kannan (2021)

- Định nghĩa về chuyển đổi số (Digital Transformation - DT) của Vial (2021) được trích dẫn từ IGI Global Scientific Publishing

-Diễn đàn Kinh tế Thế giới (World Economic Forum - WEF)

- Trích Báo cáo "Professional Accountants - The Future: Drivers of Change and Future Skills", Hiệp hội kế toán ACCA, năm 2016.

Erik Brynjolfsson và Andrew McAfee trong cuốn sách nổi tiếng "The Second Machine Age: Work, Progress, and Prosperity in a Time of Brilliant Technologies" (2014)

Theo báo cáo của McKinsey (2021)

Viktor Mayer-Schönberger và Kenneth Cukier trong cuốn sách "Big Data: A Revolution That Will Transform How We Live, Work, and Think" (2013)

Các nghiên cứu của Provost và Fawcett (2013) trong "Data Science for Business:

Michael Porter và James Heppelmann trong bài viết "How Smart, Connected Products Are Transforming Competition" (2014) trên tạp chí Harvard Business Review

Shoshana Zuboff trong cuốn sách "The Age of Surveillance Capitalism: The Fight for a Human Future at the New Frontier of Power" (2019)

Deloitte (2020)

Trích theo nghiên cứu của Bhimani & Willcocks (2014)

- Theo AICPA (2021)

- Mô hình phát triển công nghệ được phát triển bởi Fred Davis vào năm 1989

Saunders, M., Lewis, P., & Thornhill, A. (2016). Research Methods for Business Students (7th ed.). Pearson Education.

Deloitte Vietnam (2023). Digital Transformation in Accounting: Trends and Practices.

Yin, R. K. (2014). Case Study Research: Design and Methods (5th ed.). SAGE Publications.

Creswell, J. W. (2014). Research Design: Qualitative, Quantitative, and Mixed Methods Approaches. SAGE Publications.

Kvale, S., & Brinkmann, S. (2009). InterViews: Learning the Craft of Qualitative Research Interviewing. SAGE Publications.

Creswell, J. W. (2014). Research Design: Qualitative, Quantitative, and Mixed Methods Approaches. SAGE Publications.